



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 44/2021

Từ 08/11 - 12/11/2021

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

ĐỊNH HƯỚNG NHỮNG NHIỆM VỤ NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM

Phát biểu kết luận phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19 theo tinh thần quản lý rủi ro và đẩy mạnh phục hồi kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội...



Thủ tướng Phạm Minh Chính chủ trì phiên họp Chính phủ tháng 10/2021. Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Phiên họp diễn ra trong bối cảnh nước ta sau cao điểm phòng chống đại dịch COVID-19 trong đợt bùng phát lần thứ 4, đến nay tình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát. Kinh tế - xã hội tháng 10 có nhiều chuyển biến tích cực, kinh tế phục hồi trở lại và có nhiều khởi sắc do đã chuyển hướng chiến lược từ tập trung sang phân cấp tới tận cơ sở trong triển khai các biện pháp y tế theo phương châm thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19.

Tại phiên họp, Chính phủ thống nhất nhận định, trong bối cảnh khó khăn, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả nhiều giải pháp phòng, chống dịch, bảo đảm an sinh xã hội và duy trì, phục hồi kinh tế, xã hội.

Theo báo cáo do Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng trình bày, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát ở mức thấp, các cân đối lớn được bảo đảm. Chỉ số CPI tháng 10 giảm 0,2% so tháng 9; 10 tháng tăng 1,81% so cùng kỳ, thấp nhất từ năm 2016. Thị trường tiền tệ, tỷ giá ổn định, lãi suất có xu hướng giảm.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10 tăng 6,9% so với tháng trước, 10 tháng tăng 3,3%. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tháng 10 tăng 111,2% và tăng 73,9% về vốn so với tháng 9. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 10 tháng tăng 22%, trong đó xuất khẩu tăng 16,6%. Trong tháng 10/2021, số doanh nghiệp thành lập mới tăng 111,2%, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 29,8%.

Công tác an sinh xã hội được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững. Đối ngoại được đẩy mạnh, đặc biệt ngoại giao vaccine.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh phục hồi, từng bước hoạt động trở lại ổn định trong trạng thái bình thường mới, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng nêu rõ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, nước ta vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, trong đó lớn nhất là dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp, khó lường, gây ra khó khăn, thách thức đối với phát triển kinh tế - xã hội; việc bảo đảm các cân đối lớn và giữ ổn định kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn nhiều rủi ro...

Thực hiện tốt Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ

Phát biểu tại phiên họp, Bộ trưởng Y tế Nguyễn Thanh Long cho biết, so với thời điểm cách đây 1 tháng, trước khi thực hiện Nghị quyết 128, số ca mắc trong cộng đồng giảm 66,7%; số tử vong giảm 64,6%; số ca điều trị giảm 97,3%. Điều này phần nào thể hiện rõ hiệu quả của chiến dịch tiêm vaccine. Cơ bản hiện nay các địa phương thực hiện tốt Nghị quyết số 128/NQ-CP, Bộ trưởng Y tế cho biết.

Đến thời điểm này, trong tổng số 195 triệu liều vaccine đã có hợp đồng hay có thỏa thuận cung ứng thì 124 triệu liều đã về Việt Nam. Bộ Y tế đã phân bổ cho các địa phương 109 triệu liều, số còn lại đang phân bổ tiếp. Tổng số liều đã tiêm là 88 triệu liều, tốc độ tiêm ngày hôm qua (5/11) đã lên tới 2 triệu mũi tiêm.

Đối với 19 tỉnh, thành phố phía nam, có 27,7 triệu người trên 18 tuổi và tổng số vaccine đã phân bổ cho khu vực này là 51,7 triệu liều. Tính chung cả khu vực này, 94,7% dân số trên 18 tuổi đã tiêm mũi 1; 51,5% đã tiêm mũi 2. Bộ Y tế tiếp tục coi đây là khu vực trọng điểm để cung ứng vaccine và bảo đảm thực hiện chiến dịch tiêm chủng. Về tiêm vaccine cho trẻ em từ 12 - 17 tuổi, đến nay, tất cả các địa phương đều tiêm an toàn, không có trường hợp nào phản ứng nặng sau tiêm.

Theo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn, qua các chuyến thăm và làm việc tại nước ngoài của lãnh đạo Đảng, Nhà nước vừa qua, cộng đồng quốc tế đánh giá cao việc thay đổi chiến lược, tư duy phòng chống dịch của Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao kiến nghị tiếp tục bao phủ vaccine, tạo điều kiện tối đa cho việc giao thương, đi lại giữa các vùng, các địa phương, trong đó đẩy mạnh ứng dụng tích hợp số hóa, công nghệ thông tin; thúc đẩy phục hồi kinh tế ở các địa phương, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm.

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Thị Hồng cho biết, các chỉ số trong tháng 10 cho thấy một số dấu hiệu tích cực như kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo. Thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, mặt bằng lãi suất tiếp tục được

duy trì ở mức thấp hơn so với đầu năm; cầu tiêu dùng tăng trở lại phản ánh qua tổng mức bán lẻ hàng hoá dịch vụ tăng cao, cán cân thương mại quay trở lại xuất siêu cao (trong khi 9 tháng trước là nhập siêu). Vốn FDI đăng ký và cam kết mới tăng, phản ánh nhà đầu tư nước ngoài tin tưởng vào sự phục hồi kinh tế nước ta. Những chỉ số đó cho thấy quyết định chuyển sang trạng thái thích ứng linh hoạt, có kiểm soát dịch bệnh là phù hợp và đúng hướng. Trong những tháng cuối năm, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, không chủ quan với lạm phát, điều hành tiền tệ hợp lý, đảm bảo cung ứng nguồn vốn cho nền kinh tế (tín dụng 10 tháng tăng 8,6%); tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho doanh nghiệp để hỗ trợ phục hồi nền kinh tế.

Không có lựa chọn hoàn hảo mà chỉ có lựa chọn tối ưu

Kết luận phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh sự kiện quan trọng trong tháng 10 là kể từ ngày 11/10, “chúng ta bắt đầu đổi mới tư duy, phương pháp cũng như cách tổ chức thực hiện công tác phòng chống COVID-19 sang một giai đoạn mới, từ chủ trương theo đuổi ‘zero-COVID’ sang chủ trương thích ứng thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

Cụ thể, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP và Bộ Y tế ban hành Quyết định 4800. Các Bộ, ngành, địa phương đã cơ bản đồng tình và tổ chức thực hiện quyết liệt Nghị quyết số 128/NQ-CP. Khi chuyển trạng thái có thể xảy ra “vấn đề này, vấn đề kia” nhưng quan trọng nhất là chúng ta phát hiện ra, điều chỉnh và chỉ đạo thực hiện quyết liệt, kịp thời.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, “không có lựa chọn hoàn hảo mà chỉ có lựa chọn tối ưu”, và sự tối ưu được chứng minh qua thực tiễn. Tuy nhiên, tuyệt đối không được chủ quan, lơ là. Thủ tướng Chính phủ cho biết, chỗ nào phát sinh ổ dịch thì tập trung dập dịch theo đúng 3 trụ cột trong công tác phòng, chống dịch: Cách ly nhanh nhất, hẹp nhất, nghiêm ngặt nhất; có mục tiêu và lộ trình để có giải pháp phù hợp, hiệu quả. Nếu một tổ dân phố có dịch thì cả phường, cả xã phải lo; một phường, một xã mà bị thì cả huyện phải lo; một huyện mà bị thì cả tỉnh phải lo; một tỉnh mà bị thì cả khu vực phải lo. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cùng tham gia hỗ trợ các địa phương.

Nhắc lại tình hình tháng 10, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ Chính phủ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện trên các mặt công tác, hoàn thành khối lượng lớn công việc, bao gồm chuẩn bị cho kỳ họp Trung ương 4 (khóa XIII), kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV, tập trung cho công tác đối ngoại, cả đa phương và song phương.

Để hoàn thành tốt các công việc này, Thủ tướng Chính phủ cho rằng có sự đoàn kết, thống nhất, quyết liệt, chủ động, sáng tạo của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương.

Đề cập cụ thể đến tình hình kinh tế - xã hội, Thủ tướng Chính phủ khẳng định, có nhiều điểm tích cực. Trước hết, dịch bệnh dần được kiểm soát, thực hiện quyết liệt chính sách an sinh xã hội, chiến lược vaccine được đẩy mạnh (gồm cả nhập khẩu, thúc đẩy sản xuất trong nước và tiêm chủng).

Nhắc lại chuyến tham dự COP26, thăm làm việc Vương quốc Anh và thăm chính thức Cộng hòa Pháp, Thủ tướng Chính phủ cho biết khi làm việc với lãnh đạo các cơ quan, tổ chức

như AstraZeneca, chương trình COVAX thì đều nhận được cam kết sẽ tiếp tục cung cấp vaccine cho Việt Nam. “Ngay khi tới Paris, Pháp, tôi đã gặp bà Giám đốc điều hành Chương trình tiếp cận vaccine toàn cầu COVAX và bà đã hứa trong tháng 11, cung cấp đủ cho chúng ta hơn 38 triệu liều”, Thủ tướng Chính phủ nói.

Thủ tướng Chính phủ đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, sản xuất công nghiệp đang phục hồi, xuất nhập khẩu duy trì đà tăng tích cực; khắc phục được nhập siêu và trở lại xuất siêu. Giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế. Lạm phát được kiểm soát tốt. Về xu hướng thu hút FDI gia tăng, Thủ tướng Chính phủ lưu ý phải làm tốt hơn nữa công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Thủ tướng Chính phủ cho biết trong các chuyến thăm Anh, Pháp, các nhà đầu tư nước ngoài đều thể hiện tin tưởng đối với Việt Nam, đặc biệt là đối với con người Việt Nam và ổn định chính trị, cho rằng khó khăn của Việt Nam là nhất thời.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nổi bật, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu không được chủ quan, cần nhìn nhận rõ các rủi ro, thách thức. Dịch bệnh còn diễn biến phức tạp; rủi ro tài khóa, nợ công, sức ép lạm phát...

Trước thách thức dịch bệnh, Thủ tướng Chính phủ cho rằng phải đẩy nhanh tốc độ tiêm vaccine, bảo đảm an toàn, hiệu quả, khoa học, không chần chừ, nhất là tập trung cho các địa bàn, khu vực trọng điểm như các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Hiện nay chúng ta đã có hơn 120 triệu liều vaccine mà mới tiêm được 88 triệu liều, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu phải phân đầu tiêm hết số vaccine còn lại trong tháng 11.

Thách thức, khó khăn nữa là hoạt động bán lẻ đã phục hồi nhưng còn yếu. Do đó, cần kích thích tiêu dùng nội địa. Cho rằng đầu tư công còn bất cập, Thủ tướng nhấn mạnh, cần phân tích rõ nguyên nhân, điểm nào do thể chế chính sách, do khâu tổ chức thực hiện. Phải tập trung thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy đầu tư công.

Mặc dù tình hình doanh nghiệp đã phục hồi, số doanh nghiệp trở lại hoạt động nhiều hơn số doanh nghiệp rút khỏi thị trường, nhưng doanh nghiệp còn gặp khó khăn. Tái cơ cấu nền kinh tế còn chậm.

Kiểm soát dịch bệnh và phục hồi kinh tế

Định hướng nhiệm vụ thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ tiếp tục thực hiện các mục tiêu: Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19 theo tinh thần quản lý rủi ro và đẩy mạnh phục hồi kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội; giữ vững chủ quyền, lãnh thổ; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết.

Tiếp tục hoàn thiện Chiến lược tổng thể phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm đồng bộ với Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế. Thủ tướng Chính phủ lưu ý, phải tăng cường năng lực y tế, nhất là về nguồn nhân lực; chăm lo an sinh xã hội cho những đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh; hỗ trợ cho những doanh nghiệp gặp khó khăn, sức chống chịu chưa cao. Kết hợp tốt chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để tạo đòn bẩy cho phục hồi kinh tế. Khẩn trương thực hiện các gói hỗ trợ đã được thông qua gắn với tăng cường kiểm tra,

kiểm soát, chống tiêu cực, nhũng nhiễu; tăng cường trách nhiệm của các Bộ, ngành trong đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế.

Để có thể tập trung mở cửa thị trường, mở cửa nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ nhân mạnh muốn vậy, cần đẩy nhanh tốc độ tiêm vaccine. Bộ Y tế cần tổ chức chiến dịch cho các tỉnh tiêm vaccine còn chậm.

Bộ Y tế phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành liên quan triển khai chương trình tiêm vaccine cho học sinh, cùng với biện pháp 5K, để tiến tới mở cửa trường học với tinh thần mở cửa phải bảo đảm an toàn, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh.

Thủ tướng Chính phủ cũng lưu ý, các thành viên Chính phủ chuẩn bị kỹ, bảo đảm chất lượng, tiến độ các báo cáo phục vụ kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV, kịp thời cung cấp thông tin, giải trình, trả lời chất vấn.

Tại phiên họp, Chính phủ đã nghe, thảo luận về Đề án thí điểm tách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư; xem xét báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP Quý III/2021; báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ giao và tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết tháng 10 và 10 tháng năm 2021.

Nguồn: baohinhphu.vn

ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ TRÊN NỀN TẢNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ, CƠ SỞ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC CÔNG DÂN VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ XUẤT NHẬP CẢNH

Ngày 08/11/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

Hệ thống định danh và xác thực điện tử do Bộ Công an xây dựng và quản lý để xử lý các yêu cầu đăng ký, cấp, quản lý định danh điện tử và xác thực điện tử. Trong đó, định danh điện tử là hoạt động thu thập, tạo lập, gắn danh tính điện tử cho cá nhân và hoạt động quản lý danh tính điện tử; xác thực điện tử là hoạt động xác minh, xác nhận của cơ quan chức năng đối với người sử dụng danh tính điện tử đúng là chủ thể danh tính điện tử.

Quy định thực hiện dựa trên nguyên tắc: cá nhân, tổ chức được khai thác và sử dụng danh tính điện tử phải tuân thủ quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử của cá nhân; việc đăng ký, sử dụng, cung cấp, quản lý danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử phải bảo đảm chính xác, an toàn, bảo mật; tài khoản định danh điện tử mức độ 2 có giá trị sử dụng tương đương thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do bên sử dụng dịch vụ quyết định; Định danh điện tử và xác thực điện tử là dịch vụ cung cấp để phục vụ các tiện ích của cá nhân.

Quyết định cũng quy định về quyền và nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ là cá nhân đăng ký định danh điện tử, có tài khoản định danh điện tử và tổ chức, cá nhân khác sử dụng tài khoản định danh điện tử hoặc xác thực điện tử. Quy định cũng chỉ rõ: Đối với những tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Công dịch vụ công quốc gia hoặc Công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì đến trước ngày 01/01/2023 phải được xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến trước ngày 01/01/2023, nếu các Công dịch vụ công quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh chưa sẵn sàng kết nối với Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an thì việc tạo lập tài khoản để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tiếp tục được sử dụng danh tính điện tử do các tổ chức cung cấp định danh điện tử đã kết nối, tích hợp với Nền tảng trao đổi định danh điện tử trên Công dịch vụ công quốc gia.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÔNG CÒN PHÙ HỢP

Ngày 08/11, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức Hội nghị hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2021 và giới thiệu một số nội dung cơ bản của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Hoàng Hiệp nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của Ngày Pháp luật Việt Nam (09/11). Ông cho rằng, đây là sự kiện chính trị, pháp lý có ý nghĩa nhân văn, xã hội sâu sắc, khơi dậy ý thức trách nhiệm, bổn phận và quyền lợi cho mỗi công dân trong các sinh hoạt của đời sống chính trị, xã hội.

Hòa chung không khí của cả nước nhân Ngày Pháp luật Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập trung vào các hoạt động phổ biến, giới thiệu nội dung văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, nhất là các điểm mới, các quy định gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành và bảo vệ Hiến pháp, pháp luật trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của ngành Nông nghiệp.

"Thay mặt Ban cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ, tôi nhiệt liệt biểu dương những cố gắng và kết quả tích cực đã đạt được của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành nông nghiệp thời gian qua", Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp nói.

Cũng tại hội nghị, Vụ trưởng Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật (Bộ Tư pháp) Nguyễn Hồng Tuyển giới thiệu những điểm mới cơ bản của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Theo ông Tuyền, Luật năm 2020 sửa đổi, bổ sung 68 điều của Luật năm 2015, gồm 54 điều về nội dung và 14 Điều về kỹ thuật, 8 nội dung chính của lần sửa đổi này là: (1) Cơ chế bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; (2) Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

(3) Hình thức, thẩm quyền, nội dung một số văn bản quy phạm pháp luật liên tịch; (4) Quy trình xây dựng, ban hành một số loại văn bản quy phạm pháp luật; (5) Quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật; (6) Hoạt động thẩm tra, xem xét, thông qua dự án luật, pháp lệnh; (7) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn; (8) Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện, cấp xã.

Trong 8 nội dung này, theo ông Tuyền, nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng cần tập trung và chú trọng. Lãnh đạo Bộ Tư pháp cũng lưu ý rằng khi đề ra các văn bản quy phạm pháp luật, các cục, vụ, viện nghiên cứu cần lên kế hoạch sớm, báo cáo lãnh đạo Bộ để có tham vấn từ chuyên gia, nhằm có những đánh giá chính xác, đầy đủ về 5 mặt tác động của chính sách, gồm: xã hội, kinh tế, thủ tục hành chính, giới, và hệ thống pháp luật.

Một số vấn đề khác được ông Tuyền nhấn mạnh, là: Các đơn vị ban hành, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật cần báo cáo lãnh đạo Bộ những vấn đề phù hợp với thực tiễn, nhưng chưa có trong các văn bản quy phạm pháp luật để lãnh đạo Bộ trình lên Bộ Chính trị; Bổ sung hình thức thông tư liên tịch giữa Tổng Kiểm toán Nhà nước với các Bộ và cơ quan ngang Bộ; Bổ yêu cầu lập đề nghị theo quy trình chính sách đối với nghị định tại Khoản 2 Điều 19 của Luật năm 2015.

Trên tinh thần thượng tôn pháp luật, Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tích cực phát hiện những văn bản chưa phù hợp với thực tiễn; bổ sung, sửa đổi cụ thể, chi tiết các điều khoản trong văn bản quy phạm pháp luật.

Ông cũng định hướng chuyển đổi từ tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang tư duy “kinh tế nông nghiệp”, đẩy mạnh chuyển đổi số, tạo ra những giá trị mới cho nền nông nghiệp và tích hợp vào chuỗi giá trị ngành hàng, tạo động lực cho sự tăng trưởng.

Để thực hiện hiệu quả những chủ trương, Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ làm tốt hai vấn đề. Thứ nhất, về công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật, các Cục, Vụ, Viện, Trung tâm nghiên cứu tập trung nguồn lực, cải thiện môi trường kinh doanh; tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, cải cách hành chính và các quy định liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp.

Thứ hai, về công tác tổ chức thi hành pháp luật, Thứ trưởng đề ra 3 định hướng. Một, là đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật. Hai, là tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước. Ba, là khơi dậy ý thức và lợi ích của việc tuân thủ, chấp hành pháp luật trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành nông nghiệp.

Nguồn: nongnghiep.vn

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ: QUYẾT TÂM CẮT GIẢM NHỮNG CHỨNG CHỈ KHÔNG PHÙ HỢP

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh phải quyết tâm cắt giảm những chứng chỉ không phù hợp, để vừa giảm gánh nặng với công chức, viên chức, vừa đổi mới phương thức quản lý, sử dụng cán bộ.

Mới đây, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ bỏ quy định bắt buộc về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong công tác tuyển dụng và bổ nhiệm, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

Bộ đề xuất bỏ quy định bắt buộc về chứng chỉ ngoại ngữ của 74 ngạch công chức và 155 chức danh nghề nghiệp viên chức; bỏ quy định bắt buộc về chứng chỉ tin học của 74 ngạch công chức và 142 chức danh nghề nghiệp viên chức; giảm 17 chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức và 87 chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức. Đây là vấn đề dư luận rất quan tâm.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà đã trao đổi làm rõ hơn về vấn đề này.

Đề xuất giảm các chứng chỉ bồi dưỡng đối với tất cả các chuyên ngành

Phóng viên: Thưa Bộ trưởng, đội ngũ công chức, viên chức rất ủng hộ đề xuất của Bộ Nội vụ về việc giảm 17 chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức và 87 chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức. Lý do nào Bộ lại mạnh dạn đưa ra đề xuất này?

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Thời gian qua, báo chí phản ánh nhiều “tiếng kêu” của viên chức về những vướng mắc, bất cập của quy định sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và các chứng chỉ bồi dưỡng khác đối với viên chức, nhất là đối với đội ngũ giáo viên tại các cơ sở đào tạo công lập khi thi thăng hạng, bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cần thiết phải đổi mới việc quản lý, sử dụng, đặc biệt là việc đổi mới nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ quản lý chuyên ngành tổng hợp, rà soát toàn bộ quy định về chứng chỉ đối với đội ngũ công chức, viên chức.

Qua tổng hợp, đánh giá chung của các Bộ, ngành và ý kiến của dư luận xã hội, Bộ Nội vụ nhận thấy có một số hạn chế, bất cập. Chẳng hạn, có sự chồng chéo, trùng lặp về nội dung, chương trình bồi dưỡng đối với đội ngũ giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Về việc này, mới đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định về chứng chỉ bồi dưỡng đối với đội ngũ giáo viên theo hướng giảm thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ và không tạo ra áp lực cho giáo viên.

Việc rà soát, đề xuất giảm các chứng chỉ bồi dưỡng được thực hiện đối với tất cả các chuyên ngành. Khối viên chức được đề xuất giảm nhiều hơn vì yêu cầu tính chất hoạt động nghề nghiệp giữa các hạng chức danh nghề nghiệp trong cùng chuyên ngành là tương đồng.

Bộ Nội vụ đề xuất giảm 17 chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức và 87 chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức.

Phóng viên: Các đề xuất của Bộ đã nhận được phản hồi như thế nào từ Người đứng đầu Chính phủ và các thành viên Chính phủ, thưa Bộ trưởng?

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Quan điểm của Thủ tướng Chính phủ trong giáo dục, đào tạo là phải “học thật, thi thật, nhân tài thật”; cán bộ, công chức phải làm việc thực chất, chống bệnh hình thức, tránh phô trương, không chủ quan, thỏa mãn. Vì vậy, Người đứng đầu Chính phủ rất quan tâm đến nội dung này và yêu cầu Bộ rà soát, mạnh dạn đưa ra đề xuất.

Tuy nhiên, việc tổng hợp, rà soát tất cả các loại chứng chỉ đối với đội ngũ công chức, viên chức trong toàn hệ thống là khối lượng công việc lớn, đòi hỏi cẩn trọng và khách quan trong việc phân tích, đánh giá, nhận định để đưa ra đề xuất.

Thực tế vừa qua, một số Bộ, ngành đã tiến hành rà soát, đề xuất giảm các chứng chỉ chuyên ngành như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT, trong đó không quy định chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến sửa đổi quy định về nội dung, hình thức thi và xét thăng hạng đối với đội ngũ biên tập viên, phóng viên...

Bộ Nội vụ cũng đang xây dựng Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ theo hướng cắt giảm nhiều chứng chỉ.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự chỉ đạo thực sự sâu sát và quyết liệt của Người đứng đầu Chính phủ vì mục tiêu chung là xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức và các đề xuất của Bộ Nội vụ đều xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, các Bộ, ngành sẽ tích cực ủng hộ.

Động chạm đến lợi ích

Phóng viên: Loại bỏ, cắt giảm chứng chỉ sẽ động chạm đến lợi ích của nhiều phía. Xin Bộ trưởng cho biết trong quá trình rà soát để đưa ra đề xuất này, Bộ có gặp khó khăn, rào cản nào không?

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Bộ Nội vụ không gặp khó khăn và rào cản nào khi đưa ra các đề xuất, thậm chí còn nhận được sự quan tâm, động viên của các đồng chí lãnh đạo, đặc biệt là của Thủ tướng Chính phủ.

Còn về lợi ích, thẳng thắn mà nói là có ảnh hưởng đến nguồn thu của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp các loại văn bằng, chứng chỉ. Vì vậy, việc có người này, người kia tâm tư là chuyện khó tránh khỏi.

Nhưng, đây là vấn đề tác động trực tiếp đến hàng triệu viên chức và liên quan đến phương thức quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức. Vì vậy, chúng ta phải quyết tâm cắt giảm những chứng chỉ không phù hợp, để một mặt vừa giảm gánh nặng đối với công chức, viên

chức; một mặt đổi mới phương thức quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức đi vào thực chất, khoa học hơn.

Tuy nhiên, tôi cho rằng cũng không quá phải lo lắng nếu các đơn vị này tự thay đổi, chuyên môn, hướng tới chất lượng, nhu cầu của người được đào tạo, bồi dưỡng. Hay nói cách khác, sẽ không có chuyện người học tự đến và bắt buộc phải học các loại chứng chỉ mà các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phải tự tìm hiểu xem các cơ quan, tổ chức đang cần những cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng được yêu cầu như thế nào; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang cần kiến thức, kỹ năng gì để đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

Theo tôi, các cơ sở đào tạo phải có hình thức cung cấp các dịch vụ, xây dựng chương trình bồi dưỡng thích hợp. Phải để việc học và cấp các chứng chỉ là nhu cầu tự thân của mỗi viên chức để đáp ứng các yêu cầu trong công việc của họ. Như vậy, mới phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với quy luật cung - cầu.

Đột phá cải cách

Phóng viên: Loại bỏ, cắt giảm các chứng chỉ như đề xuất của Bộ Nội vụ không chỉ là một bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính, mà còn là sự thay đổi quan trọng trong phương thức quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức. Bộ trưởng suy nghĩ thế nào về nhận định này?

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Từ khi nhận nhiệm vụ Bộ trưởng, tôi luôn ý thức kế thừa và phát huy những thành quả của các thế hệ tiền nhiệm. Những gì các Bộ trưởng tiền nhiệm đã làm tốt sẽ tiếp tục gìn giữ và phát huy, những gì đang làm dang dở sẽ tiếp tục thực hiện, những công việc mới phát sinh sẽ nỗ lực hoàn thành.

Việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm thủ tục về văn bằng, chứng chỉ là nhiệm vụ chung của các Bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, với trách nhiệm là cơ quan thường trực của Chính phủ về cải cách hành chính và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có những giải pháp đột phá về cơ chế, phương thức quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. Những việc này nhằm một mục đích chung là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phóng viên: Nếu đề xuất của Bộ được chấp thuận, các bước tiếp theo sẽ triển khai như thế nào? Việc sắp xếp lại bộ máy, cũng như đội ngũ liên quan đến các trường, trung tâm đào tạo những chứng chỉ này thực hiện ra ra sao?

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Theo đề xuất của Bộ Nội vụ, sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, các Bộ quản lý ngạch công chức, viên chức chuyên ngành cần khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các thông tư quy định về tiêu chuẩn và nội dung, chương trình bồi dưỡng đối với công chức, viên chức chuyên ngành được giao quản lý để tránh trùng lặp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng theo chủ trương đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất.

Bộ Nội vụ sẽ khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm căn cứ pháp lý, thống nhất trong triển khai thực hiện chủ trương lớn này của Chính phủ.

Chủ trương chung của Đảng, Nhà nước trong đổi mới nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức là bảo đảm giữa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng không trùng lặp về nội dung và phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

Phải khẳng định là việc cắt giảm một số loại chứng chỉ không đồng nghĩa với việc giảm yêu cầu về nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ mà đặt ra yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức phải thực chất hơn, phục vụ trực tiếp công việc, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm. Việc này cũng không có nghĩa là không thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức nữa.

Vì vậy, vấn đề ở đây là các đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của các bộ, ngành cần kịp thời đổi mới về phương thức tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Phóng viên: Trân trọng cảm ơn Bộ trưởng!

Nguồn: ttxvn/Vietnam+

NGÀNH TÀI CHÍNH: HỢP TÁC CHUYÊN ĐỔI SỐ

Chiều ngày 08/11, tại Hà Nội, Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông ký thỏa thuận phối hợp công tác nhằm chuyên đổi số trong ngành tài chính để nâng cao chất lượng công tác quản lý.

Mục tiêu bao trùm của thỏa thuận này nhằm triệt để hóa công tác điều hành ngân sách nhà nước trên nền tảng số, đặc biệt là trong hoạt động thu ngân sách nhà nước trong điều kiện hiện đại hóa của nền kinh tế toàn cầu.

Phát biểu ý kiến tại lễ ký, Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng nhấn mạnh vai trò và ý nghĩa của chuyên đổi số nói chung, cũng như việc chuyên đổi số trong ngành tài chính nói riêng. Theo Bộ trưởng, chuyên đổi số là một công cuộc toàn dân và toàn diện ngành tài chính - ngân hàng có tác động lớn đến toàn bộ công cuộc ấy vì là huyết mạch của nền kinh tế, có tầm ảnh hưởng lớn tới nhiều đối tượng, ngành nghề, lĩnh vực. Bởi vậy, ngành tài chính phải đi đầu về chuyên đổi số và lấy chuyên đổi số là đột phá cho nhiệm kỳ này. Đây phải là cam kết của người đứng đầu, trách nhiệm của người đứng đầu.

Bộ trưởng Tài chính Hồ Đức Phớc cảm ơn sự hợp tác của Bộ Thông tin và Truyền thông và cho rằng, công nghệ thông tin đã đánh dấu bước phát triển của ngành Tài chính, nếu không ứng dụng công nghệ thông tin thì sẽ tụt hậu. 8 năm qua, Bộ Tài chính luôn nằm top đầu các cơ quan ứng dụng công nghệ thông tin, và tới đây, ngành cũng đang triển khai thực hiện Hải quan thông

minh, Thuế thông minh, Kho bạc ba không, hay một số nhiệm vụ mũi nhọn khác như ứng dụng điện toán đám mây, công nghệ blockchain, định danh trong toàn ngành...

Theo nội dung thỏa thuận, hai bộ thống nhất cơ chế phối hợp trong bốn nhóm công việc, gồm: công tác quản lý đối với các nền tảng số và chủ thể cung cấp dịch vụ, sản phẩm trên nền tảng số trong nước và xuyên biên giới; hỗ trợ các nhiệm vụ chuyên đổi số, phát triển Chính phủ số và quản lý, thực hiện hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài chính; phối hợp bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống công nghệ thông tin ngành Tài chính; tổ chức thông tin về hoạt động của ngành tài chính...

Nguồn: nhandan.vn

ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN NHẪM HẠN CHẾ TRỞ NGẠI CHO ĐỊA PHƯƠNG

Tiếp tục chương trình Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV, chiều ngày 08/11, Quốc hội thảo luận tại hội trường về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2021, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2022 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2022 - 2024.

Nhiều đại biểu đã cho ý kiến về vấn đề phân cấp, phân quyền và giải pháp cân đối, đảm bảo tập trung nguồn lực ngân sách nhà nước.

Tạo điều kiện thuận lợi và chủ động cho địa phương

Đại biểu Hồ Thị Kim Ngân (tỉnh Bắc Kạn) cho rằng để tạo điều kiện chung cho một tỉnh, một vùng có thêm động lực phát triển kinh tế - xã hội nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra thì cần một hệ thống cơ chế, thể chế hoàn chỉnh, thống nhất và phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền địa phương, đặc biệt về các lĩnh vực đất đai, lâm nghiệp, đầu tư.

Tuy nhiên, theo đại biểu tỉnh Bắc Kạn, thực tiễn cho thấy “có những quy định thật sự là trở ngại cho địa phương trong quá trình phát triển”. Đại biểu nêu ví dụ: Luật Lâm nghiệp quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ dưới 20ha, rừng sản xuất dưới 50ha và không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia, dự án phục vụ quốc phòng, an ninh, dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, tại Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Chính phủ phân công Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đối với các dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia, dự án cấp thiết khác quy định tại Khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp. Như vậy, việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ không phân biệt diện tích.

Bên cạnh đó, đối với các tỉnh miền núi có diện tích rừng và đất rừng chiếm tỷ lệ lớn, quá trình thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh, đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông không tránh khỏi việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trong đó có rừng tự nhiên. Thời gian thực hiện thủ tục kéo dài qua nhiều bộ, ngành có liên quan tham mưu và trình Thủ tướng Chính phủ nên ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ đầu tư, vượt thời gian thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi và chủ động cho địa phương, đại biểu Hồ Thị Kim Ngân đề nghị Chính phủ phân cấp, ủy quyền cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về nội dung này.

Cụ thể, đối với các công trình, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác không phân biệt quy mô diện tích; đối với các công trình, dự án khác, giao Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên dưới 20ha.

Cùng quan điểm về vấn đề này, đại biểu Đặng Bích Ngọc (tỉnh Hòa Bình) cũng đề nghị Quốc hội, Chính phủ tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật hiện hành theo hướng đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền cho địa phương trong lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng, quản lý bảo vệ rừng, thủ tục đầu tư trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch đã được Trung ương phê duyệt, đồng thời tiếp tục cải cách hành chính, trong đó tập trung rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính phân cấp cho địa phương.

Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách và nợ công

Bên cạnh đó, để kiềm chế lạm phát, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ những tháng cuối năm 2021 và trong năm 2022, đại biểu Đặng Bích Ngọc cũng đề xuất Quốc hội, Chính phủ sớm ban hành chương trình tổng thể về phục hồi phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch, sớm quyết định các gói hỗ trợ tài chính, thúc đẩy doanh nghiệp, người dân đầu tư phục hồi phát triển kinh tế - xã hội, không để đứt gãy chuỗi cung ứng, tạo đà vươn lên vượt qua giai đoạn khó khăn. Cùng với đó, Chính phủ cần chỉ đạo các bộ, ngành kịp thời hoàn thành các thủ tục hành chính để phân bổ nguồn vốn thực hiện ba chương trình mục tiêu quốc gia trong năm 2022.

Theo báo cáo của Chính phủ và Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, năm 2021 tiếp tục là năm khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, chỉ còn 16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, còn lại 47 tỉnh phải nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương. Trong bối cảnh nguồn thu ngân sách nhà nước hạn hẹp và dự báo khả năng dư địa tăng thu của địa phương không nhiều, ngân sách trung ương tiếp tục phải hỗ trợ, các địa phương chưa thể tự cân đối ngân sách, đại biểu Hồ Thị Kim Ngân cho rằng cần chủ động cân đối, đảm bảo tập trung nguồn lực ngân sách nhà nước, ngân sách trung ương đủ mạnh để thực hiện các nhiệm vụ tăng cường nguồn lực dự trữ quốc gia.

Đại biểu đề nghị tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước và nợ công; khẳng định vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và sự nghiêm túc, chủ động của ngân sách địa phương theo hướng hiệu quả, an toàn, bền vững, góp phần củng cố nền tảng vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Đồng thời, đại biểu Hồ Thị Kim Ngân cho rằng cần sớm nghiên cứu sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước; quán triệt, phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế; khuyến khích liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong thúc đẩy phát triển vùng, đồng thời sửa đổi Luật Tổ chức chính quyền địa phương để phân định rõ hơn quyền và trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương thông qua cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền, qua đó tăng tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

Nguồn: ttxvn/baotintuc.vn

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH LÀ ĐỘNG LỰC TO LỚN THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Chiều ngày 08/11, Quốc hội tiếp tục thảo luận ở hội trường về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Đại biểu Đỗ Đức Hồng Hà, Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội cho rằng giải pháp quan trọng, động lực to lớn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội lúc này là cải cách thủ tục hành chính.

Ông Hà đưa ra 7 lý do để giải thích cho sự quan trọng của việc cần thiết phải cải cách hành chính với phát triển kinh tế- xã hội.

Thứ nhất, cải cách thủ tục hành chính là nội dung phản ánh rõ nhất mối quan hệ giữa nhà nước và công dân. Đồng thời, đây cũng là nội dung có nhiều bức xúc nhất của người dân, doanh nghiệp, cũng như có nhiều yêu cầu đổi mới trong quá trình hội nhập kinh tế và tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Thứ hai, trong điều kiện nguồn lực đất nước còn nhiều khó khăn, Chính phủ chưa thể cùng một lúc thực hiện được nhiều nội dung cải cách như cải cách tài chính công, cải cách tiền lương, cải cách tổ chức bộ máy, thì việc lựa chọn cải cách thủ tục hành chính sẽ mang lại hiệu quả thiết thực nhất.

Thứ ba, thông qua cải cách thủ tục hành chính, có thể xác định căn bản các công việc của cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp, qua đó xây dựng bộ máy phù hợp và có thể lựa chọn đội ngũ cán bộ công chức hợp lý, vừa đáp ứng yêu cầu công việc, vừa đáp ứng tinh giản biên chế, thu gọn đầu mối của các cơ quan hành chính nhà nước.

Thứ tư, cải cách thủ tục hành chính là tiền đề để thực hiện ba khâu đột phá chiến lược và các nội dung cải cách khác như nâng cao chất lượng thể chế, nâng cao trình độ, thay đổi thói quen, cách làm, nếp nghĩ của cán bộ, công chức, phân cấp, phân quyền, phân công, giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp, thực hiện Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, doanh nghiệp số.

Thứ năm, thông qua cải cách thủ tục hành chính sẽ gỡ bỏ rào cản với môi trường kinh doanh và đời sống của người dân, giúp cắt giảm chi phí và rủi ro; đồng thời, tăng thu, giảm chi, nhất là giảm chi cho bộ máy hành chính và giảm chi chính thức, phi chính thức.

Thứ sáu, cải cách thủ tục hành chính góp phần ngăn chặn bốn nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng, chế độ, nhất là nguy cơ tụt hậu về kinh tế, lạc hậu về văn hóa xã hội, tham nhũng, lãng phí về nguồn lực; nâng cao hình ảnh của Việt Nam, các Bộ, ngành, địa phương trước cộng đồng trong nước và quốc tế.

Thứ bảy, cải cách thủ tục hành chính thời gian qua còn hạn chế, yếu kém. Tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà của một bộ phận cơ quan hành chính nhà nước, một số cán bộ, công chức trong giải quyết công việc, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp vẫn còn xảy ra...

Đề cập về việc phân cấp, phân quyền, Đại biểu Quốc hội Hồ Thị Kim Ngân (tỉnh Bắc Kạn) cho biết, để tạo điều kiện cho một tỉnh, một vùng có thêm động lực phát triển kinh tế - xã hội nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra, cần một hệ thống cơ chế, thể chế hoàn chỉnh, thống nhất và phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho chính quyền địa phương, đặc biệt về các lĩnh vực đất đai, lâm nghiệp, đầu tư.

Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi và chủ động cho địa phương, đại biểu đề nghị phân cấp, ủy quyền cho Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh cụ thể các vấn đề. Đối với các công trình, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giao Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác không phân biệt quy mô diện tích. Đối với các công trình dự án khác giao Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên dưới 20ha.

Nguồn: kinhhtedothi.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2021 - 2025”.**

Theo dự thảo, mục tiêu đến năm 2023, 90% công chức tại cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành ít nhất 1 lần/năm theo các chương trình, tài liệu đã được cập nhật; các chương trình, tài liệu chuyên sâu, mang tính kỹ thuật, đáp ứng hoạt động thanh tra và hội nhập quốc tế; 90% công chức được bồi dưỡng nghiệp vụ theo yêu cầu của ngạch công chức.

Đồng thời, đề án đặt mục tiêu 100% cơ quan, đơn vị cấp Trung ương có chức năng, nhiệm vụ thanh tra sử dụng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý cuộc thanh tra, giám sát hoạt động đoàn thanh tra, theo dõi, đôn đốc, xử lý sau thanh tra và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý; 100% văn bản đi, đến thông thường được xử lý trên môi trường mạng; sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với thanh tra Sở, các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Cấp địa phương: 70% thanh tra Sở sử dụng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý cuộc thanh tra, giám sát hoạt động đoàn thanh tra, theo dõi, đôn đốc, xử lý sau thanh tra; 100%

đơn vị sử dụng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin để nhập số liệu thống kê, báo cáo, quản lý doanh nghiệp, đơn vị tự kiểm tra trực tuyến và nhập các dữ liệu phục vụ quản lý...

Đến năm 2025, hoàn thiện thể chế của thanh tra Ngành, tiếp cận, nghiên cứu đổi mới, nâng cao hiệu quả phương thức, hoạt động thanh tra Ngành; 100% cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đủ trang thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác thanh tra; 100% công chức công tác tại cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ thanh tra thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được trang bị điều kiện làm việc phù hợp với yêu cầu quản lý Nhà nước và chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025; 100% cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội sử dụng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin được xây dựng để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Để đạt được các mục tiêu trên, dự thảo đưa ra các giải pháp như: Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động, đổi mới quy trình, phương pháp thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; tăng cường phối hợp trong và ngoài nước, củng cố vị thế, vai trò trong từng lĩnh vực; tổ chức các hoạt động giám sát, theo dõi, xử lý sau thanh tra, áp dụng khoa học, công nghệ trong công tác giám sát hoạt động đoàn thanh tra, theo dõi, xử lý sau thanh tra; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tuân thủ quy định của pháp luật liên quan lĩnh vực quản lý Nhà nước của Ngành đến người dân và doanh nghiệp thông qua hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng...

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.**

Theo đó, dự thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung "Điều 17. Phát hành riêng lẻ trái phiếu Chính phủ" như sau: Phát hành riêng lẻ là phương thức Kho bạc Nhà nước hoặc đơn vị được Kho bạc Nhà nước ủy quyền bán trực tiếp trái phiếu Chính phủ cho từng đối tượng mua.

Kho bạc Nhà nước xây dựng phương án phát hành trái phiếu Chính phủ theo phương thức riêng lẻ báo cáo Bộ Tài chính chấp thuận. Phương án phát hành riêng lẻ bao gồm các nội dung cơ bản: a) Đối tượng mua trái phiếu; b) Khối lượng dự kiến phát hành; c) Kỳ hạn trái phiếu; d) Lãi suất dự kiến; đ) Thời gian dự kiến phát hành; e) Phương thức bán trực tiếp trái phiếu.

Trên cơ sở phương án phát hành riêng lẻ được Bộ Tài chính chấp thuận, Kho bạc Nhà nước ban hành quyết định phát hành trái phiếu và tổ chức phát hành và thanh toán gốc, lãi trái phiếu đối với từng đợt phát hành.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng sửa đổi, bổ sung "Điều 22. Trái phiếu ngoại tệ". Dự thảo nêu rõ, trái phiếu ngoại tệ là một loại trái phiếu Chính phủ phát hành tại thị trường trong nước bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi thực hiện theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Căn cứ nhu cầu huy động của ngân sách Nhà nước, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng đề án phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Đề án bao gồm các nội dung cơ bản sau: a) Mục đích phát hành; b) Khối lượng phát hành;

c) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu: Kỳ hạn, mệnh giá phát hành; đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu; lãi suất phát hành; d) Phương thức phát hành trái phiếu; đ) Đối tượng mua trái phiếu: Cá nhân và tổ chức được phép kinh doanh ngoại hối theo quy định của pháp luật ngoại hối; e) Việc đăng ký, lưu ký; g) Giao dịch trái phiếu: Trái phiếu chỉ được giao dịch giữa cá nhân với các tổ chức được phép kinh doanh ngoại hối và giữa các tổ chức được phép kinh doanh với nhau theo quy định của pháp luật ngoại hối.

Căn cứ Đề án phát hành trái phiếu ngoại tệ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài chính tổ chức phát hành trái phiếu ngoại tệ theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định này.

Trái phiếu ngoại tệ được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Nghị định này và được giao dịch theo quy định của pháp luật ngoại hối”.

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư hướng dẫn về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.**

Dự thảo nêu rõ nguyên tắc giám sát, đánh giá hoạt động đầu tư nước ngoài là đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, trình tự, thủ tục và trên cơ sở quy định pháp luật; không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi đối tượng, thời gian và nội dung kiểm tra; công khai, minh bạch, không gây cản trở, ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài đang trong quá trình giám sát, đánh giá.

Về thẩm quyền giám sát, đánh giá hoạt động đầu tư nước ngoài, dự thảo quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đầu tư nước ngoài; giám sát và đánh giá tổng thể dự án có vốn đầu tư nước ngoài; kiểm tra các dự án có vốn đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; dự án có quy mô lớn, tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội; các dự án khác theo chỉ đạo của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành: Chủ trì giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài có liên quan tới lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tổ chức thực hiện giám sát và đánh giá tổng thể về hoạt động đầu tư nước ngoài trong phạm vi quản lý của địa phương; trực tiếp hoặc giao nhiệm vụ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giám sát, đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn...

Kiểm tra hoạt động đầu tư nước ngoài

Theo dự thảo, nội dung kiểm tra tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm: Tiến độ góp vốn điều lệ, vốn đầu tư; tình hình góp vốn pháp định (đối với ngành có quy định vốn pháp định); tổng vốn đầu tư thực tế so với tổng vốn đầu tư đăng ký; Tiến độ triển khai dự án; việc thực hiện các mục tiêu đầu tư của dự án; việc thực hiện và chuyển giao công nghệ theo cam kết của dự án (Nội dung công nghệ, hiệu quả chuyển giao công nghệ, việc lắp

đặt máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư); việc thực hiện các cam kết và đáp ứng điều kiện đầu tư, điều kiện tiếp cận thị trường, điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư của nhà đầu tư khi dự án đi vào hoạt động; Việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước (thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, thuê mặt nước...); Việc thực hiện các quy định pháp luật về lao động, quản lý ngoại hối, môi trường, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và các quy định về pháp luật chuyên ngành khác; Tình hình tài chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài như: Trị giá tài sản góp vốn của các bên (giá trị quyền sử dụng đất; giá trị tài sản máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ...); việc sử dụng đúng mục đích về nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu; Các nội dung khác liên quan tới triển khai thực hiện dự án đầu tư, gồm: Việc chấp hành quy định về giám sát, đánh giá đầu tư và về chế độ báo cáo, thống kê theo quy định; các nội dung khác liên quan đến dự án đầu tư...

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.**

Theo dự thảo, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam (Cơ sở tổ chức thi của Việt Nam) với cơ quan, tổ chức, cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài (Cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ của nước ngoài) để thực hiện việc đăng ký dự thi, sử dụng địa điểm, tổ chức thi, kiểm tra trình độ, năng lực ngoại ngữ và cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam thông qua văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết.

Đối tượng liên kết, hồ sơ đề nghị phê duyệt, thủ tục phê duyệt, thẩm quyền phê duyệt, thời hạn, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, chấm dứt liên kết và chế độ báo cáo thực hiện theo quy định của Chính phủ về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Đối với cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ của nước ngoài, dự thảo nêu rõ: Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài hợp pháp và có giá trị sử dụng phổ biến trên thế giới khi thuộc một trong những trường hợp sau:

Được công nhận, sử dụng trong xét duyệt hồ sơ nhập cư, cấp thị thực nhập cảnh cho công dân các nước có nhu cầu định cư, làm việc, học tập tại quốc gia sử dụng ngôn ngữ là ngôn ngữ chính thức tại thời điểm phê duyệt liên kết thi; được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia sử dụng ngôn ngữ đó là ngôn ngữ chính thức công nhận tại thời điểm phê duyệt liên kết thi.

Đề thi bảo đảm độ tin cậy, tính chính xác, khách quan, minh bạch, công bằng trong đánh giá năng lực ngoại ngữ của người dự thi; không vi phạm pháp luật, thuần phong, mỹ tục, văn hóa của Việt Nam; được bảo mật khi sao in, đóng gói, vận chuyển (nếu có), bảo quản và sử dụng.

Có quy định mức lệ phí dự thi và các lệ phí khác liên quan đến quá trình dự thi (nếu có) công khai, minh bạch; thực hiện giải trình với xã hội về tài chính và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

Kết quả thi được công bố kịp thời, chứng chỉ (hoặc phiếu điểm) được cấp đúng thời gian quy định, thủ tục cấp thêm chứng chỉ (trong thời hạn kết quả thi còn hiệu lực), việc tra cứu

kết quả thuận lợi đối với thí sinh. Quy trình khiếu nại, giải quyết khiếu nại kết quả thi rõ ràng, thuận lợi cho thí sinh; có biện pháp hiệu quả để bảo mật thông tin nhận dạng cá nhân, bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ của thí sinh.

Đối với cơ sở tổ chức thi của Việt Nam: Là đơn vị có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng hoặc kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ; có trang thông tin điện tử chính thức cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng cho thí sinh đăng ký dự thi và phục vụ công tác tổ chức thi, xác thực kết quả thi; có ít nhất 01 cán bộ quản lý có trình độ cử nhân trở lên thuộc các ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài thuộc ít nhất một ngôn ngữ mà đơn vị có liên kết tổ chức thi; có cơ sở vật chất, thiết bị bảo đảm để tổ chức thi; có hệ thống camera giám sát ghi được toàn bộ diễn biến của cả phòng thi liên tục trong suốt thời gian thi; có đủ các thiết bị ghi âm, phát âm, ghi hình, phần mềm chuyên dụng đáp ứng yêu cầu tổ chức thi...

Trách nhiệm của các bên liên kết là thực hiện đúng cam kết trong đề án liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài đã được phê duyệt. Trong trường hợp có sự thay đổi so với đề án, các bên liên kết báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, quyết định điều chỉnh.

Cục Quản lý chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo) có trách nhiệm công bố công khai và cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách các đơn vị được phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài, các đơn vị vi phạm, các đơn vị bị đình chỉ liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài; chủ trì thực hiện kiểm tra hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con; Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.**

Dự thảo nêu rõ về phương thức giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát tuân thủ trên cơ sở báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán theo quy định; phản ánh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trên thị trường chứng khoán và các nguồn tin trên phương tiện thông tin đại chúng liên quan đến việc tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động nghiệp vụ chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán.

Trên cơ sở kế hoạch giám sát tuân thủ hằng năm, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện kiểm tra định kỳ Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán và tổ chức kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

Về nội dung giám sát, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con về các hoạt động nghiệp vụ sau:

Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán: Tổ chức bộ máy, hoạt động vận hành hệ thống các thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật; cung cấp thông tin, dữ liệu giao dịch; xây dựng, quản lý bộ chỉ số thị trường và các hoạt động khác có liên quan.

Giám sát trực tiếp hoạt động giao dịch chứng khoán tại từng khu vực thị trường được giao quản lý, vận hành. Tổ chức đấu giá, đấu thầu chứng khoán.

Quản lý niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán: chấp thuận, hạn chế, đình chỉ, hủy bỏ niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; giám sát việc duy trì điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; giám sát đối với chứng khoán bị kiểm soát, cảnh báo và tạm ngừng giao dịch; việc xử lý đối với vi phạm của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định pháp luật và theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Giám sát đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán

Theo dự thảo, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán về các hoạt động nghiệp vụ sau:

Chấp thuận, thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, thu hồi giấy chứng nhận thành viên bù trừ cơ sở; hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ; giám sát việc duy trì điều kiện đăng ký thành viên lưu ký, thành viên bù trừ phái sinh; giám sát việc thực hiện quyền của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán đối với thành viên lưu ký, thành viên bù trừ.

Đăng ký, thay đổi, hủy đăng ký chứng khoán; cấp, quản lý mã chứng khoán; thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán; chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch chứng khoán.

Mở, quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán; ký gửi, rút, chuyển khoản, phong tỏa, giải tỏa chứng khoán.

Cấp, quản lý mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Việc tổ chức thực hiện hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán; sửa lỗi, xử lý lỗi, lùi thời hạn thanh toán, từ chối thế vị giao dịch của thành viên bù trừ và loại bỏ thanh toán giao dịch/chuyển sang thanh toán bằng tiền; lập, quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán; lập, quản lý và sử dụng quỹ bù trừ, trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ...

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán, thay thế Thông tư số 272/2016/TT-BTC.**

Bộ Tài chính cho biết ngày 26/11/2019, Quốc hội đã thông qua Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 (thay thế Luật Chứng khoán năm 2006) và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 158/2020/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Trong đó, quy định một số loại hình chứng khoán mới (chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm); sửa đổi một số Giấy phép, giấy chứng nhận hoạt động chứng khoán so với quy định trước đây.

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 272/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán.

Giảm lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ

Dự thảo Thông tư đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về lệ phí - tại Mục I Biểu phí, lệ phí. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 220 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thì Ủy ban Chứng khoán cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho tổ chức đăng ký, lệ phí 10 triệu đồng/giấy.

Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư là những nghiệp vụ chính được cấp phép. Nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ là dịch vụ bổ sung, cung cấp thêm mà Công ty quản lý quỹ cung cấp cho khách hàng. Để giảm chi phí cho doanh nghiệp, dự thảo Thông tư đề xuất sửa Điều 14 Biểu mức thu phí, lệ phí như sau: Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ: 5 triệu đồng/giấy.

Bên cạnh đó, tại Điểm a Khoản 1 Điều 56 Luật Chứng khoán 2019 quy định: “a) Thành viên bù trừ là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ”.

Từ nội dung trên, dự thảo Thông tư sửa đổi điểm 19 Biểu mức thu phí, lệ phí như sau: 19. Lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán/chứng khoán phái sinh: 2 triệu đồng/giấy.

Sửa đổi phí quản lý và giám sát chứng khoán

Dự thảo bổ sung thu phí giám sát đối với chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm. Mức thu xây dựng dựa trên nguyên tắc: Tương đồng cách tính và mức thu phí giám sát từ hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán cơ sở; mức thu đảm bảo công tác quản lý giám sát thị trường chứng khoán phái sinh của Ủy ban Chứng khoán, đồng thời, tạo động lực để thị trường chứng khoán phái sinh phát triển. Trên cơ sở đó, mức thu phí tại dự thảo Thông tư quy định:

Phí giám sát chứng khoán phái sinh đối với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD): 10% doanh thu giá dịch vụ bù trừ và giá dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ (tương ứng với phương thức tính phí giám sát của thị trường chứng khoán cơ sở đối với VSD).

Phí giám sát chứng khoán phái sinh đối với Sở Giao dịch chứng khoán: 10% doanh thu giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh.

Mức thu phí giám sát chứng quyền có bảo đảm là 0,009% giá trị giao dịch (bằng mức thu phí giám sát đối với cổ phiếu).

Đồng thời dự thảo Thông tư bổ sung quy định thu phí giám sát hoạt động chứng khoán đối với ngân hàng thanh toán như sau: Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm: 0,001% giá trị thanh toán bù trừ ròng giao dịch chứng khoán của ngân hàng thanh toán.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp: 0,0001% giá trị thanh toán bù trừ ròng giao dịch chứng khoán của ngân hàng thanh toán.

Về quản lý và sử dụng phí, trên cơ sở rà soát, đánh giá tình hình thu, chi, quản lý, sử dụng nguồn thu phí và tình hình thực hiện cơ chế tài chính giai đoạn vừa qua, dự thảo Thông tư quy định: Điều chỉnh giảm tỉ lệ để lại từ 95% xuống 70% và tỉ lệ nộp ngân sách nhà nước tăng từ 5% lên 30%. Tỷ lệ này đã tính toán đảm bảo chi tự chủ cho hoạt động của Ủy ban Chứng khoán.

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông.**

Theo dự thảo, vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông có 4 nhóm, bao gồm: a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; b) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông; c) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Thông tin và Truyền thông của đơn vị sự nghiệp công lập); d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông thực hiện theo Phụ lục I Thông tư này.

Danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông thực hiện theo Phụ lục II Thông tư này.

Tỷ lệ viên chức giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông phải đảm bảo tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc (không bao gồm lãnh đạo, quản lý) của đơn vị sự nghiệp công lập.

Dự thảo nêu rõ, khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Khung số lượng cấp phó của người đứng đầu phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành TT&TT được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Định mức số lượng người làm việc tối thiểu trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Thông tin và Truyền thông là 15 người.

Định mức số lượng người làm việc tối thiểu trong các phòng, ban và các tổ chức cấu thành không phải là các đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc ngành Thông tin và Truyền thông là 7 người.

Nguồn: baochinhpvu.vn

HÀ NỘI: THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO DOANH NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19

Sáng ngày 06/11, Thành ủy, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã tổ chức Hội nghị 'Đối thoại tháo gỡ khó khăn đối với các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội trong bối cảnh dịch COVID-19'. Đây là một trong các nội dung công việc quan trọng trong nhiều nội dung, mà Hà Nội đã và đang triển khai, nhằm phục hồi và phát triển kinh tế, thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

Tại Hội nghị, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội Nguyễn Mạnh Quyền cho biết, đại dịch COVID-19 đã tác động tiêu cực đến mọi mặt kinh tế - xã hội từ đầu năm 2020; đặc biệt, từ Quý II/2021 đã bùng phát với biến chủng Delta nguy hiểm và lây lan rất nhanh.

Cùng với cả nước, TP. Hà Nội là một trong những địa phương phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. TP. Hà Nội mới ghi nhận trên 4.800 ca bệnh (chiếm 0,5% so với cả nước); trong đó, có 90,2% ca bệnh đã được chữa khỏi; 9% đang được điều trị tại các cơ sở y tế. Đến ngày hôm nay, tuy vẫn còn nguy cơ cao nhưng TP. Hà Nội đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh, mọi hoạt động kinh tế - xã hội đang dần trở lại trạng thái bình thường mới. Kết quả trên đã được trung ương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

Trước đại dịch COVID-19, kinh tế Thủ đô vẫn duy trì tăng trưởng khá, GRDP giai đoạn 2016 - 2019 tăng 7,38%/năm - trong khung kế hoạch 5 năm 2016 - 2020. Năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát, tăng trưởng bị ảnh hưởng, GRDP tăng 4,18% ; do vậy, tăng trưởng trung bình 5 năm 2016 - 2020 chỉ đạt 6,73%.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 1,72 triệu tỷ đồng, bằng 38,9% GRDP. Thu hút đầu tư vốn ngoài ngân sách lũy kế đạt trên 2.850 dự án, vốn đăng ký trên 1,6 triệu tỷ đồng. Cơ cấu đầu tư xã hội dịch chuyển rõ nét từ khu vực nhà nước (tỷ trọng giảm từ 43,44% năm 2015 xuống còn 34,28% năm 2020) sang khu vực ngoài nhà nước và đầu tư nước ngoài (lần lượt đóng góp 54,84% và 10,87% năm 2020). Tiếp tục phát huy vai trò kinh tế tư nhân (kinh tế ngoài nhà nước) phát triển, dần trở thành một động lực quan trọng. Hiện nay, lĩnh vực này đã đóng góp trên 50% trong GRDP, giải quyết khoảng 83% tổng số lao động xã hội.

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch, nhưng 9 tháng đầu năm 2021, TP. Hà Nội duy trì tăng trưởng GRDP đạt 1,28%. Sang tháng 10, một số hoạt động sản xuất, kinh doanh dần phục hồi, tuy nhiên lũy kế 10 tháng vẫn giảm sâu hoặc tăng thấp so với kế hoạch, cụ thể: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng 10 tăng 5,09% so với cùng kỳ năm 2020, lũy kế 10 tháng giảm 7,8%; Kim ngạch xuất khẩu tháng 10 tăng 18,9% so với cùng kỳ năm 2020; Lũy kế 10 tháng giảm 2,8%.

Trong 10 tháng đầu năm 2021, có 19.848 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 275.152 tỷ đồng. Thu hút vốn đầu tư trong nước đạt 17,16 nghìn tỷ đồng; vốn đầu tư nước ngoài

1,21 tỷ USD. Thu ngân sách 10 tháng đạt 215 nghìn tỷ đồng, đạt 91,5% dự toán trung ương giao và 85,7% dự toán của Thành phố, tăng 7,6% so với cùng kỳ, đảm bảo cân đối cho chi ngân sách, nhất là chi đầu tư phát triển, phòng chống dịch bệnh và hỗ trợ ổn định an sinh xã hội.

Song song với công tác phòng, chống dịch, các nhiệm vụ đảm bảo cho phát triển sản xuất, kinh doanh, các sinh hoạt của người dân, hoạt động của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, công tác đảm bảo an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng được TP. Hà Nội đặc biệt quan tâm.

Về gói hỗ trợ an sinh xã hội của Chính phủ, TP. Hà Nội đã hỗ trợ cho 1,82 triệu người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn với kinh phí trên 1.000 tỷ đồng; chi trả cho 1,09 triệu người lao động đang tham gia bảo hiểm với tổng số tiền 2.684 tỷ đồng. Bên cạnh đó, TP. Hà Nội đã triển khai chính sách đặc thù, đã thực hiện hỗ trợ cho 289 nghìn đối tượng với kinh phí 299 tỷ đồng. Các tổ chức chính trị, xã hội và các nhà hảo tâm đã cùng chung sức hỗ trợ cho 1,07 triệu lượt người, hộ gia đình khó khăn với số tiền 317 tỷ đồng.

TP. Hà Nội đã giải ngân và cho 9.886 người lao động vay vốn để phục hồi sản xuất thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội Hà Nội với số tiền 476 tỷ đồng; khẩn trương rà soát, miễn, giảm, giãn, hoãn nộp thuế với số tiền hơn 22,6 nghìn tỷ đồng cho 38.000 doanh nghiệp, người nộp thuế; trong đó: 21,9 nghìn tỷ đồng tiền thuế và tiền thuê đất gia hạn và 610 tỷ đồng tiền thuê đất giảm.

Lắng nghe, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp

Đi đôi với thực thi kịp thời triển khai các chính sách an sinh xã hội, ngay từ những ngày đầu xảy ra đại dịch COVID-19, TP. Hà Nội đã chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để tháo gỡ, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển.

TP. Hà Nội đã luôn kiên định, kiên trì thực hiện mục tiêu "lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ", "cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh", "cải cách hành chính", "đồng hành cùng doanh nghiệp" và "phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của kinh tế Thủ đô".

Với phương châm luôn sát cánh, đồng hành cùng doanh nghiệp vượt khó, tại hội nghị gặp mặt, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp FDI ngày 19/10, TP. Hà Nội đã tổng hợp 250 kiến nghị; một số nội dung đã được thành phố giải quyết ngay; các nội dung còn lại đã có văn bản giao nhiệm vụ cho các sở, ngành, đơn vị tiếp tục xem xét, giải quyết sớm.

Ngay trước hội nghị hôm nay, lãnh đạo TP. Hà Nội đã chủ động rà soát, đơn đốc 22 dự án còn vướng mắc để chỉ đạo, đến nay: đã hoàn thành thủ tục cấp/điều chỉnh cho 9 dự án, dự kiến trong nửa đầu tháng 11 hoàn thành thủ tục cấp phép cho 13 dự án còn lại; tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ khởi công xây dựng ít nhất 20 cụm công nghiệp năm 2021; 18 cụm công nghiệp trong đầu năm 2022; tiếp tục ứng dụng, mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức 4 theo hướng hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh...

Hiện nay, Chính phủ đang khẩn trương hoàn thiện dự thảo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở thực hiện các văn bản, chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thành ủy; Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đã chỉ đạo Cục Thuế Hà Nội chủ trì cùng các ngành triển khai khảo sát đối với hơn 28.000 doanh nghiệp trên địa bàn về những tác động, ảnh hưởng do dịch bệnh COVID-19 và ban hành Kế hoạch số 246 ngày 01/11/2021 về phục hồi và phát triển kinh tế thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 quý IV năm 2021, năm 2022 và 2023.

Kế hoạch đề ra 3 mục tiêu chính: Hỗ trợ và tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc và điểm nghẽn nhằm phục hồi, phát triển sản xuất, kinh doanh.

Bảo đảm ổn định kinh tế, cân đối ngân sách, củng cố nguồn thu cho ngân sách Thành phố. Bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, đời sống của người dân, nhất là người nghèo, người yếu thế, đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh.

Đưa các hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh trở lại trạng thái hoạt động bình thường mới trong thời gian ngắn nhất. Thúc đẩy các ngành, lĩnh vực còn dư địa phát triển; Đẩy nhanh khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số nhằm thiết lập nền tảng phát triển bền vững.

Ngoài ra, TP. Hà Nội cũng đã đề ra 5 nhóm giải pháp gồm: Kiểm soát dịch COVID-19, nâng cao năng lực của hệ thống y tế; duy trì sự ổn định kinh tế, bảo đảm cân đối ngân sách. Phục hồi và phát triển ngành, lĩnh vực; xây dựng tiêu chí thích ứng an toàn với dịch COVID-19 và kế hoạch phục hồi, phát triển. Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; thành lập một số tổ công tác đặc biệt tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và đầu tư công.

Về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, thực hiện nhanh nhất, đúng, đầy đủ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ về: Miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất; thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp; hỗ trợ lưu thông hàng hóa và đi lại; hỗ trợ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện các cơ chế, chính sách của TP. Hà Nội, thúc đẩy mạnh hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua 2 đề án đã ban hành: Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2019 - 2025; hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2021 - 2025, trong đó, tập trung hỗ trợ: mặt bằng sản xuất kinh doanh thông qua phát triển các khu, cụm công nghiệp; hỗ trợ công nghệ, cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị và hỗ trợ gia nhập thị trường.

Đẩy mạnh triển khai các cơ chế, chính sách tại kế hoạch, đảm bảo thực chất, hiệu quả như: Kế hoạch phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025; hỗ trợ vốn cho hoạt động sản xuất thông qua các Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội TP. Hà Nội gói tín dụng 1.050 tỷ đồng để cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người lao động vay để phục hồi sản xuất; tiếp tục nghiên cứu triển khai gói tín dụng 1.000 tỷ đồng trong thời gian tới; hỗ trợ an sinh xã hội, đẩy mạnh thực hiện các chính sách về bảo hiểm xã hội và lao động; hỗ trợ về lao động và chuyên gia; phát triển thị trường lao động và lực lượng lao động.

Nguồn: kinhtedothi.vn

BẮC GIANG: BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG NỀN TẢNG TÍCH HỢP, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Ngày 30/10/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ban hành Quy chế Quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

Quy chế này quy định các nội dung về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh áp dụng đối với đối tượng là: Các sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức liên quan đến hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị trên.

Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là LGSP tỉnh) là một hệ thống thông tin được thiết kế độc lập nhằm mục đích cho phép các ứng dụng, dịch vụ khác nhau, với nhiều kiến trúc, nền tảng và chuẩn giao tiếp khác nhau, trên các hệ điều hành khác nhau có thể liên kết, trao đổi thông tin với nhau. Hệ thống cung cấp những kênh truyền dữ liệu được đảm bảo toàn vẹn và an toàn, có thể chuyển đổi thành nhiều dạng dữ liệu cho các dịch vụ khác nhau khai thác; cung cấp khả năng thông báo cho dịch vụ đích, làm cho dịch vụ đích có thể chủ động trong việc nhận và xử lý thông tin liên thông.

Quy chế cũng quy định cụ thể về: Các thành phần của LGSP tỉnh; Yêu cầu đáp ứng của LGSP tỉnh; Điều kiện kết nối, liên thông; Tài liệu kỹ thuật hướng dẫn kết nối, liên thông; Nguyên tắc kết nối, liên thông; Quy trình gửi và nhận liên thông; Quy trình chứng thực và xác thực truy xuất; Quy trình tích hợp xác thực đăng nhập một lần SSO dùng chung của tỉnh.

Kết nối, liên thông phải đảm bảo tuân thủ các quy định về Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, Kiến trúc tham chiếu ICT Đô thị thông minh tỉnh Bắc Giang và quy định của pháp luật về yêu cầu kỹ thuật kết nối.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

YÊN BÁI: THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Mục tiêu cơ bản của tỉnh Yên Bái là đến năm 2025, phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Theo đó, mục tiêu cơ bản đến năm 2025, phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

Mục tiêu cơ bản đến năm 2030 phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

Nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới là tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; xây dựng, thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số; xây dựng, ứng dụng, phát triển hạ tầng, kỹ thuật và các nền tảng phục vụ chuyển đổi số. Cùng với đó xây dựng, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số là: y tế; giáo dục; nông nghiệp; lĩnh vực kế hoạch, tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải và logistics; tài nguyên - môi trường; sản xuất công nghiệp, năng lượng, thương mại; du lịch.

Nguồn: dangcongsan.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: BAN HÀNH BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2021.

Bộ chỉ số được chia làm 3 bảng với các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần áp dụng đối với 3 nhóm đối tượng, gồm: Bảng 1 dành cho các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; bảng 2 dành cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Bảng 3 dành cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Việc đánh giá Chỉ số cải cách hành chính theo Bộ Chỉ số cải cách hành chính dựa trên 2 phần chính là đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của tỉnh (chiếm 65/100 điểm) và đánh giá tác động của cải cách hành chính qua điều tra khảo sát xã hội học (chiếm 35/100 điểm); trong đó đánh giá kết quả cải cách hành chính được thực hiện trên 8 lĩnh vực gồm: công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Riêng đối với nhóm các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, căn cứ kết quả thực hiện khảo sát xã hội học xác định mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính để xác định kết quả công tác cải cách hành chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân liên quan phục vụ cho công tác đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

BÌNH PHƯỚC: HỢP TÁC VỚI TẬP ĐOÀN FPT VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ

Ngày 10/11, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phối hợp Công ty Cổ phần FPT tổ chức hội nghị trực tuyến bàn về chương trình hợp tác chuyên đổi số.

Tại Hội nghị, các lãnh đạo sở ngành của tỉnh Bình Phước có nhiều đề xuất hợp tác thí điểm hệ thống IoT (Internet vạn vật) trong nông nghiệp gắn với triển khai chính quyền điện tử, vận hành chính quyền số, phát triển cơ sở dữ liệu số mở của các ngành để cùng khai thác sử dụng, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin. Đồng thời, mở một trường phổ thông liên cấp ngoài công lập, có chương trình đào tạo tích hợp của Việt Nam và quốc tế, thành lập một phân viện đại học đa ngành tại tỉnh của Tập đoàn FPT, xây dựng Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm của tỉnh kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc Quốc gia và với IOC Bình Phước. Ngoài ra, cần phối hợp nghiên cứu hình thành mô hình “xã, phường thông minh”; các mô hình quản lý, kinh doanh mới dựa trên nền tảng số, hỗ trợ phần mềm quản trị cho doanh nghiệp, hợp tác xã. Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm điều, tiêu, cây ăn trái.

Đại diện Tập đoàn FPT cho biết, tỉnh Bình Phước cần hướng đến tầm nhìn 10 - 20 năm tới về đầu tư chuyên đổi số, khoa học công nghệ. Tập đoàn FPT sẽ phối hợp với tỉnh Bình Phước để xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể về các nội dung, lĩnh vực hợp tác như truyền thông, đào tạo, thanh niên, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và thành phố, hạ tầng thông minh.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Mạnh Cường đánh giá cao về sự quan tâm, phối hợp tích cực của Tập đoàn FPT dành cho tỉnh và giới thiệu sơ lược về tiềm năng, lợi thế, tầm nhìn, khát vọng phát triển của Bình Phước. Tỉnh luôn có nhu cầu đón các xu hướng, làn gió đầu tư mới mang tính sáng tạo và hướng đến 3 đột phá là cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, cải cách hành chính và chất lượng chính sách.

Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Mạnh Cường nhấn mạnh, để nội dung hợp tác trong thời gian tới diễn ra thành công, đạt kết quả, hai bên sẽ thống nhất thành lập Ban chỉ đạo về hợp tác chung

giữa Tập đoàn FPT và Bình Phước, đồng thời thành lập các tổ giúp việc triển khai cụ thể các nội dung, lĩnh vực hợp tác.

Nguồn: sggp.org.vn

ĐỒNG THÁP: TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC THAM MƯU THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ công chức tham mưu thực hiện cải cách hành chính tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

Mục tiêu chung của Đề án là tăng cường năng lực tham mưu thực hiện cải cách hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương thông qua các hình thức như tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ, hội nghị tuyên truyền, giao lưu, học tập kinh nghiệm thực tế giữa cơ quan, đơn vị, địa phương trong và ngoài tỉnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, đủ phẩm chất, năng lực tham mưu, triển khai hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025, 100% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính được tham gia tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; hội nghị tuyên truyền, giao lưu học tập kinh nghiệm thực tế. 100% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính được tiếp cận các tài liệu có liên quan đến công tác cải cách hành chính, sổ tay hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cải cách hành chính, thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính... Trên 90% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính có khả năng tham mưu các kế hoạch, báo cáo; tham mưu triển khai đầy đủ các nhiệm vụ của cải cách hành chính trong cơ quan, đơn vị, địa phương đạt chất lượng tốt.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giao trách nhiệm tổ chức thực hiện cho các sở, ngành và địa phương. Trong đó, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Chương trình, tài liệu bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức tham mưu thực hiện cải cách hành chính; lập kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn hằng năm bảo đảm phù hợp, kịp thời cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu thực hiện cải cách hành chính. Đồng thời, phối hợp cùng các cơ quan có liên quan nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào tra cứu thông tin nghiệp vụ, bồi dưỡng, tập huấn đáp ứng nhu cầu linh hoạt, đa dạng trong tình hình mới.

Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu thực hiện cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp với vị trí việc làm, chuyên môn, nghiệp vụ; bảo đảm bố trí

đủ nhân lực có năng lực đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương...

Nguồn: baodongthap.vn

CÀ MAU: NỖ LỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TẬP TRUNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, tỉnh Cà Mau đã thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, xây dựng hạ tầng, tiến tới số hóa các chương trình, công cụ quản lý.

Tỉnh Cà Mau là địa phương có số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tương đối nhiều. Trung bình hàng tháng, bộ phận một cửa tỉnh tiếp nhận, giải quyết khoảng trên 45.000 hồ sơ. Cùng với việc mở rộng giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới ra toàn tỉnh, tỉnh Cà Mau tiếp tục yêu cầu các đơn vị cải cách thủ tục hành chính, thí điểm tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính tại nhà, đặt lịch hẹn giờ, giải quyết thủ tục hành chính qua tổng đài điện thoại hoặc qua Zalo.

Đặt lịch, hẹn giờ giải quyết thủ tục hành chính, căn cước công dân qua Zalo

Để đa dạng các hình thức hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục hành chính trong giai đoạn dịch COVID-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, hiện nay Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau đã thiết lập kênh Zalo đặt lịch hẹn giờ thủ tục hành chính.

Như vậy, bên cạnh đặt lịch, hẹn giờ qua số điện thoại 19009496, người dân có thể liên hệ đến trang Zalo “Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau”, sau khi bấm chọn quan tâm, tại giao diện chính người dân có thể thực hiện các bước đặt lịch hẹn giờ theo hướng dẫn.

Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau nhấn mạnh, đây là một trong những giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo tiếp nhận, xử lý kịp thời thông tin yêu cầu đặt lịch, hẹn giờ cho người dân làm thủ tục hành chính.

Ngoài các thủ tục hành chính thông thường, kể từ ngày 15/11 tới đây người dân trong tỉnh không phân biệt hộ khẩu huyện hay TP. Cà Mau còn có thể thực hiện trực tiếp thủ tục đăng ký căn cước công dân tại Trung tâm (số 298, đường Trần Hưng Đạo, Phường 5, thành phố Cà Mau). Để đảm bảo tốt công tác phòng, chống dịch, trước khi đến làm thủ tục, người dân cũng liên hệ trang Zalo “Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau”, bấm chọn quan tâm để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Người dân cần mang theo chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân có mã vạch đã được cấp, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh hoặc các giấy tờ hợp pháp khác trong trường hợp thông tin trên tờ khai đề nghị cấp căn cước công dân có thay đổi so với thông tin trong sổ hộ khẩu hoặc trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính

Trong hoạt động của Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau trong năm 2021, cùng với việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch cải cách hành chính, Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh luôn xác định năm 2021 là năm bản lề của việc thực hiện chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính. Phấn đấu cải thiện ít nhất 5 bậc Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ hành chính.

Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau nhấn mạnh, chuyển đổi số sẽ chỉ thực sự thành công nếu mọi người dân đều nhận thức rõ giá trị mà công nghệ số mang lại cho cuộc sống, và hiểu rõ những lợi ích mà mình sẽ được thụ hưởng, để từ đó chủ động hưởng ứng tham gia vào quá trình này.

Cùng với đó, nhiều giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính đã và đang được Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh nghiên cứu, đề xuất và phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng tổ chức triển khai áp dụng thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, dân nghiệp trong hoạt động giải quyết thủ tục hành chính trên nền tảng công nghệ số.

Để chuẩn bị tốt cho nhiệm vụ quan trọng này, năm 2021 Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã tham mưu ban hành nhiều văn bản quan trọng tạo cơ sở cho việc thực hiện như Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025...

Đến tháng 7/2021, Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau đã cho đưa vào vận hành ứng dụng giải quyết thủ tục hành chính trên thiết bị thông minh. Cùng với đó, trong những tháng cuối năm hàng loạt giải pháp kỹ thuật sẽ được tích hợp kết nối và vận hành như công cụ thanh toán trực tuyến thuế, phí, lệ phí; thiết lập Kho dữ liệu số cá nhân về thủ tục hành chính; thiết lập, tích hợp, kết nối với cơ sở dữ liệu vào Cổng dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử để giúp tăng khả năng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao cho người dân....

Với định hướng mục tiêu trọng tâm trong năm 2021 và tinh thần hưởng ứng mạnh mẽ đi đầu trong triển khai chuyển đổi số, chọn con đường phát triển nhanh hơn bằng các công cụ thông minh công nghệ số... Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hy vọng trong thời gian tới sẽ đóng góp tích cực vào sự thành công của mục tiêu chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Nguồn: vietnamnet.vn

NHÂN TÀI VÀ CHÍNH SÁCH THU HÚT, SỬ DỤNG NHÂN TÀI CHO NỀN CÔNG VỤ VIỆT NAM

Bài viết trình bày một số quan niệm về nhân tài, các yếu tố xác định nhân tài và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách thu hút và sử dụng nhân tài cho nền công vụ Việt Nam.

1. Quan niệm và các yếu tố xác định nhân tài

1.1. Quan niệm về nhân tài

Các tư liệu lịch sử để lại cho thấy từ xa xưa, dân tộc Việt Nam đã có truyền thống trọng dụng và đãi ngộ nhân tài. Trong Văn bia ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám do Thân Nhân Trung soạn thảo nêu rõ: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thể nước mạnh và càng lớn lao, nguyên khí suy thì thể nước yếu mà càng xuống thấp. Bởi vậy, các bậc vua tài giỏi đời xưa, chẳng có đời nào lại không chăm lo nuôi dưỡng và đào tạo nhân tài bồi đắp thêm nguyên khí”(1). Tuy nhiên, cho đến nay quan niệm về nhân tài vẫn có nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Theo định nghĩa của Từ điển Hán ngữ hiện đại: “Nhân tài là người có tài năng và đạo đức; có một sở trường nào đó”. Quan niệm khác lại cho rằng: “Nhân tài là những người có tài năng, năng lực vượt trội ở lĩnh vực nào đó: kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học... và có đóng góp cho xã hội”(2).

Trong Cương yếu quy hoạch nhân tài trung và dài hạn 2010 - 2020 do Chính phủ Trung Quốc ban hành ngày 06/6/2010 cho rằng: “Nhân tài là những người có tri thức hoặc kỹ năng chuyên môn nhất định, tiến hành lao động sáng tạo và có đóng góp cho xã hội, là người lao động có tố chất và năng lực tương đối cao trong nguồn nhân lực”.

Tiếp cận từ góc độ “tài năng”, tác giả Nguyễn Huy Tú cho rằng: “Tài năng là một tổ hợp thuộc tính được cấu tạo nên do sự tương tác của các tổ hợp cơ bản những thuộc tính nhân cách, đó là trí thông minh cao, tính sáng tạo cao, động cơ mạnh và năng lực chuyên biệt vượt trội với hiệu quả tác động của các yếu tố môi trường là xã hội, gia đình, trường học và bạn bè”(3). Người tài năng là người có được các tổ hợp thuộc tính nêu trên và đó sẽ là tiền đề cho sự hình thành có chất lượng cao những hoạt động của mình trong xã hội và vì xã hội.

Như vậy, tài năng là một cơ cấu mở bao gồm không chỉ có trí thông minh cao, tính sáng tạo cao, động cơ mạnh mẽ và năng lực chuyên biệt vượt trội, mà còn phải gồm các hiệu ứng tâm lý - nhân cách - xã hội của các quan hệ gia đình, nhà trường, bạn bè và xã hội.

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam (năm 2005), các thuật ngữ năng lực, tài năng và thiên tài được hiểu như sau:

Năng lực: là “đặc điểm của cá nhân thể hiện mức độ thông thạo - tức là có thể thực hiện một cách thành thực và chắc chắn một hay một số dạng hoạt động nào đó. Năng lực gắn liền với những phẩm chất về trí nhớ, tính nhạy cảm, trí tuệ, tính cách của cá nhân. Năng lực có thể phát

triển trên cơ sở năng khiếu (đặc điểm sinh lý của con người, trước hết là của hệ thần kinh trung ương), song không phải là bẩm sinh, mà là kết quả phát triển của xã hội và của con người”.

Tài năng: “là sự kết hợp hoàn thiện nhất các năng lực nhất định đối với một hoạt động nhất định, giúp con người đạt được những thành tựu xuất sắc, mới mẻ, có ý nghĩa xã hội. Tài năng biểu thị chất lượng cao của năng lực, có thể biểu hiện trong bất cứ lĩnh vực hoạt động nào, thông qua đào tạo chu đáo và luyện tập công phu, hoạt động thực tiễn phong phú, phát triển tối đa các tổ chất tương ứng”.

Thiên tài: là “tài năng sáng tạo ở trình độ cao nhất; đồng thời khái niệm này còn chỉ nhân tài bẩm sinh. Một tác phẩm thiên tài là một tác phẩm có tính chất hết sức mới mẻ và độc đáo, có ý nghĩa lịch sử đặc biệt đối với sự phát triển của xã hội loài người. Do đó, nó để lại những ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc. Một người được coi là thiên tài là người đã có được những tác phẩm sáng tạo như thế, là một con người có những khả năng xuất chúng, có những cố gắng rất lớn, nhạy cảm với những vấn đề nóng bỏng của thời đại, của xã hội, biết thể hiện và thỏa mãn được những nhu cầu quan trọng nhất của xã hội”.

Như vậy, năng lực, tài năng, thiên tài là những cấp độ thể hiện sự phát triển năng lực ở một con người cụ thể. Tuy nhiên, việc xem xét, đánh giá năng lực, tài năng, thiên tài của một con người phải mang tính lịch sử cụ thể, trong những quan hệ và điều kiện nhất định. Tức là năng lực, tài năng của một người để hoàn thành một công việc hay một lĩnh vực hoạt động, đạt kết quả, hiệu quả, chất lượng cao, hoặc rất cao trong một giai đoạn nhất định..

Từ những quan niệm nêu trên, có thể định nghĩa: nhân tài là người có năng lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ) để hoàn thành xuất sắc một hoặc một số nhiệm vụ nhất định trong một ngành, một lĩnh vực cụ thể, có lý tưởng chính trị, mục đích sống trong sáng vì xã hội, đóng góp tài năng của mình cho sự phát triển xã hội, được xã hội thừa nhận, trọng dụng và tôn vinh. Nhân tài là người hội tụ đủ cả năng lực và phẩm chất, vừa có đức vừa có tài.

1.2. Các yếu tố xác định nhân tài

Con người nói chung, nhân tài nói riêng trong quá trình hình thành, phát triển, trưởng thành đều chịu sự tác động của ba yếu tố: thứ nhất, di truyền của hai dòng tộc cha và mẹ; thứ hai, sự ảnh hưởng của môi trường tự nhiên và môi trường xã hội; thứ ba, sự phát huy các tổ chất cá nhân (sự nỗ lực, thích ứng, tính năng động, sáng tạo...). Ba yếu tố này có quan hệ gắn bó, tác động qua lại, thúc đẩy, tạo tiền đề cho nhau và đóng vai trò cốt lõi đối với sự phát triển và trưởng thành ở mỗi con người nói chung, góp phần hình thành nên năng lực trí tuệ, năng lực thực tiễn và phẩm chất đạo đức của mỗi cá nhân.

Để xác định nhân tài, cần dựa trên các nhóm năng lực sau:

Năng lực trí tuệ: thể hiện ở sự thông minh, có năng lực tư duy tốt, có khả năng khái quát tổng hợp cao; khả năng phán xét sự việc và dự báo xa; khả năng tiếp thu nhanh, nhớ lâu, hiểu kỹ, phản xạ nhanh, linh hoạt. Đặc biệt, phải có tư duy sáng tạo cao, luôn kiên trì theo đuổi cái mới. Tư duy sáng tạo là phẩm chất cao quý của nhân tài, họ luôn nhạy bén, nắm bắt các thông tin và làm chủ các tri thức mới. Chúng ta có thể sử dụng bộ tiêu chí đánh giá chỉ số thông minh (IQ) để xác định năng lực trí tuệ của một người.

Năng lực thực tiễn: thể hiện qua việc có kỹ năng giao tiếp tốt, biết lựa chọn những thông tin bổ ích, biết diễn đạt và trình bày vấn đề rõ ràng, rành mạch; kỹ năng quan sát thực tế tốt và đánh giá sự việc đúng đắn... Trên thực tế, để đánh giá năng lực thực tiễn của cá nhân, có thể áp dụng các công cụ để đo lường chỉ số cảm xúc trí tuệ (EQ) và căn cứ vào công trạng, thành tích, kết quả công việc được xã hội thừa nhận.

Người có tài năng phải có sự kết hợp giữa những đặc điểm mang tính bẩm sinh (tố chất) và những phẩm chất được hình thành thông qua quá trình rèn luyện, tu dưỡng, học tập, tiếp thu... từ xã hội, cộng đồng. Trong đó, những phẩm chất được hình thành qua quá trình giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng... giữ vai trò quyết định. Nhiều nghiên cứu khoa học đã khẳng định tất cả mọi người phát triển bình thường đều tiềm ẩn những năng khiếu khác nhau, đều có khả năng trở thành người có tài năng. Tuy nhiên, những năng khiếu đó chỉ ở dạng tiềm năng nếu không được tiếp tục bồi đắp, rèn luyện trong môi trường giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội. Do vậy, yếu tố giáo dục của nhà trường và gia đình; sự nỗ lực rèn luyện, tu dưỡng trong môi trường xã hội đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành nhân cách của cá nhân.

Phẩm chất đạo đức: người có tài năng chỉ thật sự có ích cho xã hội nếu người đó có lòng nhân ái, giàu tình thương, chan hoà với mọi người; luôn có động cơ trong sáng, vì những mục tiêu cao cả, vì cộng đồng; có hoài bão, ý chí, nghị lực, bản lĩnh, có tinh thần trách nhiệm, lòng nhiệt huyết, đam mê, có tâm với công việc và không tư lợi cá nhân, theo đuổi suốt đời mục tiêu, lý tưởng của mình.

1.3. Nhân tài trong nền công vụ

Xuất phát từ quan niệm về nhân tài nói chung và trên cơ sở phân tích tính chất, đặc điểm của nền công vụ và của những người làm việc trong nền công vụ, có thể đưa ra quan niệm: Nhân tài trong nền công vụ là người có trình độ, phẩm chất và năng lực vượt trội; luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, kết quả, thành tích hoạt động có tác động và ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của nền công vụ; tận tụy, công tâm, sáng tạo trong hoạt động công vụ.

Bên cạnh những yếu tố về năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức của nhân tài nói chung, nhân tài trong nền công vụ có những năng lực, phẩm chất riêng phù hợp với đặc điểm và tính chất của nền công vụ, đó là:

Thứ nhất, về năng lực trí tuệ. Nhân tài trong nền công vụ phải được đào tạo cơ bản về một ngành, nghề cụ thể ở những cơ sở đào tạo có chất lượng trong và ngoài nước, có thành tích học tập tốt (tiêu chí bằng cấp); nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng làm giỏi, làm tốt, sáng tạo công việc ở một vị trí việc làm nhất định; có đủ sức khỏe về thể lực, trí lực và sự ổn định về tâm lý, tinh thần.

Thứ hai, về năng lực thực tiễn. Là người có năng lực quản lý và tổ chức thực hiện một cách thành thực và có tính sáng tạo trong hoạt động công vụ; có khả năng kết hợp và phát huy tối đa các năng lực đóng góp quan trọng, xuất sắc trên một lĩnh vực cụ thể của nền công vụ; có tác phong khoa học; kiên định, vững vàng trong xử lý công việc.

Đối với công chức tài năng giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, bên cạnh những phẩm chất trên, phải có tầm nhìn chiến lược dài hạn; biết tập hợp và đoàn kết, phát huy năng lực và sở

trường của cấp dưới; có khả năng dẫn dắt, định hướng, tổ chức, quyết đoán, dám chịu trách nhiệm; có khả năng điều hòa các mối quan hệ, đặc biệt là quan hệ về lợi ích của các đối tượng thuộc quyền quản lý và các đối tượng khác có liên quan.

Thứ ba, về kết quả thực hiện công việc. Thể hiện ở việc luôn hoàn thành ở mức tốt đến xuất sắc nhiệm vụ, công vụ được giao (trong đó hoàn thành xuất sắc là chủ yếu), bảo đảm đúng và vượt tiến độ với chất lượng tốt, các quyết định quản lý ban hành có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn. Đối với công chức lãnh đạo, quản lý, ngoài các nội dung nêu trên còn được đánh giá theo kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức được giao lãnh đạo, quản lý hoàn thành đúng tiến độ với chất lượng cao.

Nếu tiêu chí trình độ, năng lực là điều kiện cần thì tiêu chí đánh giá kết quả thực thi công vụ đóng vai trò là điều kiện đủ để xác định nhân tài trong nền công vụ. Bởi vì, những hiểu biết, tri thức ở trình độ cao, thành thạo về kỹ năng có thể chỉ là biểu hiện của tài năng chứ không hẳn đã là tài năng. Tài năng phải là tổng hợp những phẩm chất được thể hiện và khẳng định thông qua hoạt động thực tiễn, tạo nên sản phẩm đặc biệt và nổi bật.

Đồng thời, tài năng phải gắn liền với phẩm chất đạo đức, “tài” phải đi đôi với “đức” để tạo thành nhân cách toàn diện của nhân tài. Nhân tài trong nền công vụ phải tuân thủ đạo đức công vụ, có lòng yêu nước, tự tôn dân tộc; trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, không vụ lợi, không tham nhũng; tận tụy phục vụ Nhân dân.

2. Thực trạng chính sách thu hút, sử dụng nhân tài cho nền công vụ Việt Nam

2.1. Những kết quả tích cực

Trong những năm qua, chính sách thu hút, sử dụng nhân tài luôn được Đảng, Nhà nước và các địa phương quan tâm và chú trọng bằng việc ban hành nhiều chính sách nhằm thu hút, sử dụng nhân tài vào làm việc trong nền công vụ. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng khẳng định sự cần thiết phải đào tạo nhân tài cho đất nước... Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao... Thực sự tôn vinh các doanh nhân có tài và thành đạt, đóng góp nhiều cho xã hội. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI tiếp tục khẳng định: Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh, cần xây dựng cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài. Luật Cán bộ, công chức đã quy định: Nhà nước có chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng. Những chủ trương, chính sách nêu trên là minh chứng rõ nhất về việc Đảng và Nhà nước đã nhận thức đầy đủ về vai trò của nhân tài và sự cần thiết phải thu hút, trọng dụng nhân tài trong công cuộc dựng nước, giữ nước và phát triển kinh tế - xã hội. Thể chế hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhiều Bộ, ngành, địa phương đã ban hành các chính sách phát hiện, khuyến khích, bồi dưỡng và thu hút nhân tài như: vinh danh, tuyên dương sinh viên tốt nghiệp thủ khoa; tuyên dụng các thủ khoa xuất sắc, những người trẻ tuổi có học vị cao; có chính sách trả lương cao gấp nhiều lần lương cơ sở để

thu hút người tài... Qua thực tế, nhiều nhân tài đã phát huy được năng lực, sở trường và bước đầu có những kết quả đóng góp rất tích cực vào sự phát triển chung của ngành, địa phương.

Có thể thấy rằng chính sách thu hút, sử dụng nhân tài của Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả. Nhân tài có vai trò, ý nghĩa quan trọng trong việc tìm tòi, sáng tạo ra những ý tưởng mới, những con đường mới, những chủ trương mới nhằm cải tạo thực tiễn theo hướng cách mạng, cải cách và đổi mới. Trong công cuộc cải cách hành chính nhà nước và cải cách khu vực sự nghiệp dịch vụ công của nước ta hiện nay, rất cần những người tài để dẫn dắt và hoạch định các chủ trương, chính sách một cách đúng đắn, sáng tạo, hợp quy luật phát triển trong bối cảnh mới của đất nước.

2.2. Những hạn chế

Thứ nhất, chính sách tuyển dụng nhân tài quá chú trọng về bằng cấp, thể hiện qua việc xác định tiêu chí xác định để tuyển dụng, thu hút nhân tài chủ yếu là thông qua bằng cấp như: tốt nghiệp đại học loại giỏi, loại xuất sắc; có học vị thạc sĩ, tiến sĩ; có chức danh khoa học giáo sư, phó giáo sư. Tuy nhiên, người có các tiêu chí đó không phải khi nào cũng đồng nghĩa với nhân tài.

Thứ hai, môi trường làm việc cho nhân tài chưa tốt, hiện nay, chúng ta rất chú trọng khâu thu hút, nhưng lại chưa quan tâm đúng mức khâu bố trí, sắp xếp, sử dụng nhân tài. Nhân tài thực sự thường rất quan tâm đến môi trường làm việc, luôn mong muốn có môi trường tốt để thể hiện được năng lực. Tuy nhiên, môi trường làm việc thiếu tính năng động, cách quản lý hành chính quan liêu có tính phổ biến hiện nay đã làm hao hụt trí tuệ, giảm đi sự nhiệt tình và khả năng sáng tạo của nhân tài.

Thứ ba, chính sách đãi ngộ nhân tài còn bất cập, chính sách đãi ngộ vật chất đối với nhân tài còn thấp so với mặt bằng xã hội hiện nay. Tiền lương với nhân tài vẫn nằm trong hệ thống thang, bảng lương chung, dẫn đến thu nhập chưa đủ tái sản xuất sức lao động giản đơn và chưa thực sự dựa trên kết quả công việc của nhân tài. Sự cách biệt tiền lương giữa các ngạch, bậc chưa phản ánh thỏa đáng mức chênh lệch về trình độ cũng như đòi hỏi của công việc; việc nâng bậc lương chủ yếu dựa vào yếu tố thời gian (thâm niên) mà không chú trọng đến yếu tố hiệu quả công việc nhân tài đang đảm nhận.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách thu hút, sử dụng nhân tài cho nền công vụ Việt Nam

Một là, thống nhất các tiêu chí xác định nhân tài, việc trọng dụng nhân tài đã trở thành nét đẹp truyền thống trong đời sống chính trị, xã hội của nước ta. Vì vậy, cần có các tiêu chí cụ thể, rõ ràng nhằm xác định thế nào là nhân tài.

Hai là, tạo môi trường làm việc tốt và đãi ngộ phù hợp, chính sách tạo môi trường làm việc tốt phải đảm bảo nuôi dưỡng, bảo vệ và phát triển nhân tài. Nhân tài cần được giao nhiệm vụ tương xứng và phù hợp với tài năng của họ; được tôn trọng, ghi nhận, tôn vinh cống hiến của họ. Tiếp tục đổi mới chính sách tạo điều kiện về cơ sở vật chất và chế độ đãi ngộ xứng đáng đối với nhân tài.

Lương trả cho nhân tài phải dựa trên hiệu quả công việc của họ và thường xuyên điều chỉnh, đảm bảo cạnh tranh với khu vực ngoài nhà nước. Việc bổ nhiệm chức danh, chức vụ, tạo điều kiện thăng tiến trong công việc cho nhân tài phải dựa trên hiệu quả công việc của họ chứ không chỉ dựa trên thâm niên hay tuổi tác.

Ba là, thu hút và sử dụng hợp lý nhân tài cả trong và ngoài nước, đẩy mạnh chính sách thu hút nhân tài là Việt kiều, du học sinh trở về phục vụ đất nước dưới nhiều hình thức khác nhau như: sinh sống và làm việc toàn thời gian hoặc trong một thời gian nhất định ở trong nước; sống ở nước ngoài nhưng tham gia tư vấn, tham mưu, kiêm nhiệm.v.v... để vừa khắc phục tình trạng "chảy máu chất xám", vừa tận dụng được tri thức của những đối tượng này.

Chính sách này có ý nghĩa lớn trong việc phát huy sức mạnh tri thức của toàn dân tộc, bổ sung tri thức mới, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

Bốn là, tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước đối với nhân tài, tiếp tục đổi mới việc ban hành và tổ chức thực hiện chính sách thu hút, sử dụng nhân tài; xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển nhân tài; tăng cường nguồn lực để phát triển nhân tài; hợp tác quốc tế về đào tạo và bồi dưỡng nhân tài; kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chính sách đối với nhân tài.v.v... Các nội dung quản lý nhà nước về nhân tài cần được thực hiện đồng bộ, có hệ thống, đảm bảo tính thống nhất với các chính sách khác của Nhà nước.

Nguyễn Thị Huyền Trang,

Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

- (1) Văn bia của Thân Nhân Trung năm 1442.
- (2) Nguyễn Đắc Hưng, Phát triển nhân tài - Chấn hưng đất nước, Nxb Chính trị Quốc gia, H.2007, tr.17.
- (3) Nguyễn Huy Tú, Tài năng - quan niệm, nhận dạng và đào tạo, Nxb Giáo dục, H.2006, tr.13.

BÀI 1: CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH - ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH

Coi cải cách hành chính là “đòn bẩy”, là giải pháp đột phá để thúc đẩy phát triển nên thời gian qua, ngành Tài chính luôn coi trọng và quyết liệt thực hiện. Trong đó, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính đã mang lại những kết quả nổi bật, không chỉ tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, mà cho chính cơ quan quản lý. Thời gian tới, công tác cải cách lĩnh vực tài chính tiếp tục đi vào chiều sâu, thực chất hơn.

Là một Bộ đa ngành, đa lĩnh vực với phạm vi quản lý rộng trên cả nước, có nhiều lĩnh vực liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp, Bộ Tài chính luôn coi công tác cải cách hành chính là động lực để phát triển. Xác định đây không phải là công việc trong một sớm một chiều mà phải phấn đấu qua từng tháng, từng năm. Thành quả mang lại là Bộ Tài chính luôn giữ vững “phong độ”, là một trong nhóm các bộ dẫn đầu về công tác cải cách hành chính.

Coi vướng mắc của doanh nghiệp là của mình

Đổi mới không phải từ cái nhà to mà chính từ con người và thể chế. Trong cải cách hành chính, cùng với cải cách thủ tục hành chính, cải cách thể chế và nguồn nhân lực là 2 lĩnh vực quan trọng bất cứ ngành nào, đơn vị nào cũng phải thực hiện đồng bộ. Đối với Bộ Tài chính, thời gian qua đã nỗ lực thực hiện đồng bộ, toàn diện trên 6 nội dung cải cách, gồm: thể chế; thủ tục hành chính; tổ chức bộ máy hành chính; đổi mới nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức; tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính. Việc thúc đẩy cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực đã góp phần vào việc ngành Tài chính đạt các mục tiêu nhiệm kỳ đề ra. Hàng nghìn thủ tục hành chính được rà soát, cắt giảm; hàng trăm điều kiện kinh doanh được cắt giảm, minh chứng cho những nỗ lực của ngành Tài chính trong suốt thời gian dài.

Cải cách các thủ tục hỗ trợ người dân và doanh nghiệp được cơ quan thuế, hải quan coi những vướng mắc của doanh nghiệp cũng chính là vướng mắc của mình. Xuất phát từ quan điểm “vì người dân, vì doanh nghiệp”, hàng loạt những vướng mắc đã được gỡ bỏ. Những cải cách về thủ tục đi vào thực chất và hiệu quả hơn. Chỉ tính riêng đợt dịch COVID-19 bùng phát vừa qua, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính đã có những phản ứng linh hoạt, kịp thời và thực hiện các thủ tục thuế, hải quan “chưa từng có trong tiền lệ”. Để hỗ trợ, tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp, cá nhân trong thực hiện thủ tục hải quan, Tổng cục Hải quan đã áp dụng hình thức miễn kiểm tra thực tế đối với các lô hàng vắc - xin ngừa COVID-19; chỉ đạo các chi cục hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế tạo điều kiện thuận lợi, thông quan trong ngày lô hàng vắc xin nhập khẩu phục vụ phòng chống dịch; chấp nhận Phiếu kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc có chữ ký điện tử của nhà sản xuất khi thực hiện thủ tục hải quan... Một số đơn vị hải quan còn thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ như: cho doanh nghiệp được chậm nộp bản chính trong hồ sơ hải quan (nộp trước bản scan); tạm dừng thanh, kiểm tra tại doanh nghiệp; tăng cường giải đáp, hướng dẫn trực tuyến; hỗ trợ tư vấn thủ tục nhập khẩu trang thiết bị phòng, chống dịch.

Đối với ngành Thuế cũng vậy, Tổng cục Thuế đưa 479 kênh hỗ trợ trực tuyến (hệ thống eTax) vào hoạt động. Hình thức hỗ trợ trực tuyến cũng được thực hiện đa dạng, với đội ngũ công chức thuế tận tâm trong hỗ trợ cập nhật và có phản hồi sớm nhất đến người nộp thuế.

Thành quả sau những nỗ lực

Công tác cải cách thủ tục hành chính đã thêm những con số đáng tự hào, đó là: 100% thủ tục hành chính của Bộ Tài chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trong đó dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 là 533 (59,55%). Trong bối cảnh dịch COVID-19, Bộ Tài chính tiếp tục vận hành bộ phận một cửa ổn định, hiệu quả. Đến thời điểm 25/10, Bộ Tài chính đã tiếp nhận 883 hồ sơ, đã trả 552 hồ sơ và đang giải quyết trong hạn 331 hồ sơ, không có hồ sơ quá hạn.

Bộ đã hỗ trợ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính bằng phương thức điện tử, dịch vụ công trong thời gian dịch bệnh. Tổng số điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính còn hiệu lực hiện nay là 295 điều kiện thuộc 20 ngành, nghề kinh doanh theo quy định tại Phụ lục IV Luật Đầu tư. Triển khai tổ chức bộ máy nội bộ theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, Bộ Tài chính đã cắt giảm hơn 4 nghìn đầu mối đơn vị hành chính...

Sau những nỗ lực đó, ngành Tài chính đã được cộng đồng ghi nhận. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2020 của Bộ Tài chính xếp thứ 2/17 Bộ, cơ quan ngang Bộ với 94,84/100 điểm. Đây là năm thứ 7 liên tiếp Bộ Tài chính nằm trong top 3 các Bộ, ngành có Chỉ số cải cách hành chính cao nhất. Về chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT Index) do Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá và công bố vào cuối tháng 4/2021, Bộ Tài chính tiếp tục dẫn đầu bảng xếp hạng, là năm thứ 8 liên tiếp Bộ Tài chính dẫn đầu bảng xếp hạng này.

Chỉ số cải cách hành chính 7 năm liên tiếp Bộ Tài chính giữ vị trí trong top 3, trong đó, chỉ có 1 năm duy nhất Bộ Tài chính xếp thứ ba, còn lại các năm đều đứng ở vị trí thứ hai. Nói như vậy để thấy, muốn giữ vị trí trong top cao này là không dễ, nếu không quyết liệt, sẽ lập tức “rớt hạng”.

Ở góc độ là cơ quan đại diện cho doanh nghiệp, Phó Chủ tịch Thường trực, Tổng Thư ký Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam Tô Hoài Nam nhận định, Bộ Tài chính luôn là bộ tiên phong trong công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là trong lĩnh vực thuế, hải quan, giúp giảm mạnh thời gian nộp thuế và thông quan hàng hóa. Đặc biệt, mức độ cải cách thủ tục hành chính của ngành Tài chính luôn được duy trì liên tục, ổn định trong nhiều năm, theo phương châm lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, là thước đo của công tác cải cách hành chính.

Trên thực tế, các chính sách và thủ tục hành chính về thuế và hải quan vẫn đòi hỏi phải liên tục hoàn thiện, cập nhật kịp thời cho phù hợp với yêu cầu thực tế, trong khi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lại rất sôi động, đa dạng. Cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng công tác cải cách hành chính của ngành Tài chính sẽ tiếp tục được đẩy mạnh hơn nữa. Những kỳ vọng đó cũng là nhiệm vụ đặt ra cho ngành Tài chính trước mắt cũng như lâu dài.

Chủ động, quyết liệt triển khai Chính phủ điện tử

Những cải cách bộ máy, thủ tục của ngành Tài chính đã gây ấn tượng đối với người dân và doanh nghiệp. Cùng với việc cải cách hành chính; rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính, ngành Tài chính luôn coi trọng công tác sắp xếp lại và đầu tư cho con người. Có nguồn nhân lực đủ trình độ đáp ứng trong tình hình mới, để công tác cải cách hành chính đạt hiệu quả cao nhất, luôn được người đứng đầu ngành Tài chính coi trọng.

Theo Trưởng ban Ban Pháp chế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Đậu Anh Tuấn, khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho thấy, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu đánh giá khá tích cực trong công tác cải cách thủ tục hành chính hải quan, như thông tin về chính sách và thủ tục hành chính xuất nhập khẩu dễ tiếp cận hơn. Một số cải cách lớn của cơ quan hải quan, thuế cũng được doanh nghiệp ghi nhận như giảm bớt sự chông chéo, trùng lặp trong kiểm tra...

Về cơ bản, các thủ tục hành chính lĩnh vực tài chính ngày càng được hoàn thiện theo hướng thống nhất, đồng bộ, đơn giản, công khai, minh bạch, tăng tính liên thông, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Về hiện đại hóa hành chính, Bộ Tài chính đã chủ động, quyết liệt triển khai xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và nền kinh tế số, từng bước đưa ứng dụng công nghệ thông tin trở thành một công cụ hỗ trợ đắc lực cho quá trình quản lý và điều hành ngân sách và tài chính.

Đặc biệt là lĩnh vực thuế đã được World Bank ghi nhận tại Báo cáo môi trường kinh doanh năm 2020 (Doing Business 2020). Số giờ nộp thuế và bảo hiểm xã hội đã giảm 114 giờ/năm từ 498 giờ/năm xuống còn 384 giờ/năm. Chỉ số nộp thuế và bảo hiểm xã hội của Việt Nam được World Bank đánh giá có sự cải thiện bậc xếp hạng cao nhất trong 10 chỉ số đánh giá về môi trường kinh doanh của Việt Nam (tăng 22 bậc từ 131 lên 109) với 69 điểm.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

SẮP XẾP TỔNG CỤC: KHÔNG “ĐỂ” THÊM GHẾ, “PHÌNH” BỘ MÁY

'Sắp xếp, cắt giảm tổng cục mà để phình bộ máy, tăng biên chế sẽ không hiệu quả, không đúng mục tiêu. Cứ điều chuyển vụ trưởng, vụ phó, hay trưởng phòng... từ chỗ này qua chỗ khác thì giảm tổng cục cũng như không', đại biểu Quốc hội Phạm Văn Hòa, Ủy viên Ủy ban Pháp luật trao đổi với Tiền Phong.

Phóng viên: Bộ Tài nguyên và Môi trường dự kiến sắp xếp lại nhiều tổng cục trong thời gian tới. Ông nhìn nhận như thế nào về việc này?

Đại biểu Quốc hội Phạm Văn Hòa: Sắp xếp, tinh giản cấp tổng cục trực thuộc các Bộ là vấn đề rất quan trọng. Nếu có sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì việc thực hiện Nghị quyết của Trung ương sẽ thành hiện thực.

Gần đây, tôi nghe thông tin Bộ Tài nguyên và Môi trường và một số Bộ khác dự kiến sẽ sắp xếp, cắt giảm một số tổng cục. Tôi cho đó là vấn đề hợp lý, rất hoan nghênh.

"Điều quan trọng làm sao khi sắp xếp lại tổng cục sẽ giảm tổng biên chế trong Bộ. Đó mới là yêu cầu quan trọng. Còn nếu giảm tổng cục mà biên chế vẫn giữ nguyên, hoặc tăng thêm thì không mang lại hiệu quả, không có sức lan tỏa cho các Bộ hoặc cơ quan ngang Bộ khác", ông Phạm Văn Hòa.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã kịp thời xem xét chức năng cụ thể của từng tổng cục, để đưa ra giải pháp hợp lý nhất trong việc sắp xếp, giữ lại, hay giải thể những tổng cục không cần thiết. Có những tổng cục, hay cục có chức năng, nhiệm vụ trùng nhau, tôi nghĩ nên hợp nhất lại sẽ rất tốt.

Nhưng theo tôi, không chỉ riêng Bộ Tài nguyên và Môi trường, nhiều bộ khác còn có các Tổng cục cũng cần phải noi gương theo. Qua đó, các bộ này theo thẩm quyền nên xem xét, đề xuất, tham mưu cho Chính phủ để sắp xếp lại tổng cục cho phù hợp với bối cảnh tình hình mới.

Phóng viên: Bên cạnh những ưu điểm đó, cũng có lo ngại việc bỏ mô hình tổng cục nhưng lại xé lẻ ra nhiều cục, “đẻ” ra nhiều ghế?

Đại biểu Quốc hội Phạm Văn Hòa: Tôi cũng nghe những thông tin đó, nhưng tôi tin rằng, đề án giảm bớt các tổng cục của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì việc “đẻ” ra thêm vụ, cục không đáng lo ngại lắm. Điều quan trọng làm sao khi sắp xếp lại tổng cục sẽ giảm tổng biên chế trong Bộ. Đó mới là yêu cầu quan trọng. Còn nếu giảm tổng cục mà biên chế vẫn giữ nguyên, hoặc tăng thêm thì không mang lại hiệu quả, không có sức lan tỏa cho các Bộ hoặc cơ quan ngang Bộ khác.

Nếu cắt giảm tổng cục mà để hình thành bộ máy, tăng biên chế sẽ không hiệu quả, không đúng mục tiêu. Cứ điều chuyển vụ trưởng, vụ phó, hay trưởng phòng... từ chỗ này qua chỗ khác thì giảm tổng cục cũng như không. Điều này cần hết sức lưu ý, không để xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện.

Phóng viên: Cũng có ý kiến băn khoăn, lo ngại về yêu cầu cải cách hành chính, sẽ phải đi “xin” thủ tục nhiều nơi hơn thay vì duy trì mô hình tổng cục?

Đại biểu Quốc hội Phạm Văn Hòa: Lo ngại đó của người dân và doanh nghiệp là xác đáng. Tôi nghĩ, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng cần phân biệt rạch ròi, cụ thể một tổ chức, đơn vị có thể tham gia nhiều lĩnh vực cùng một lúc, chứ không nên để nhiều cá nhân tham gia một nhiệm vụ. Như vậy, là trái với yêu cầu của Nghị quyết.

Tôi tin rằng, Bộ Tài nguyên và Môi trường có chỉ đạo hết sức sát sao về vấn đề này để giảm bớt đầu mối trung gian, tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp, cũng như người dân. Tinh giản bộ máy phải đi kèm với tinh giản được biên chế và khắc phục được chồng chéo, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

Phóng viên: Cá nhân ông có kỳ vọng, và đặt niềm tin vào việc thực hiện chủ trương này?

Đại biểu Quốc hội Phạm Văn Hòa: Trước đây Bộ Công an đã làm và đến nay được đánh giá, việc giảm nhiều tổng cục như vậy đã đi vào cuộc sống và hoạt động rất hiệu quả. Nếu lấy Bộ Công an làm gương điển hình, các bộ khác mà làm được như vậy thì việc tinh giản tổ chức, bộ máy sẽ hiệu quả và đi vào cuộc sống, thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

Phóng viên: Cảm ơn ông!

Nguồn: tienphong.vn

BỘ CHÍNH TRỊ: BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ VIỆC MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC ĐỐI VỚI CÁN BỘ

Ngày 03/11, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 41-QĐ/TW về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.

Theo đó, Bộ Chính trị quy định về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, căn cứ, quy trình xem xét việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; áp dụng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị (sau đây gọi chung là cán bộ).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Miễn nhiệm là việc cấp có thẩm quyền quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm do không đáp ứng được yêu cầu công việc, uy tín giảm sút, có vi phạm nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật cách chức.

2. Từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

3. Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

4. Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước.

2. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu nêu cao trách nhiệm trong việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.

3. Kiên quyết, kịp thời xem xét cho miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm.

Điều 4. Thẩm quyền

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét cho cán bộ miễn nhiệm, từ chức.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất việc cho miễn nhiệm, từ chức.

3. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

Điều 5. Căn cứ xem xét miễn nhiệm

Việc xem xét miễn nhiệm cán bộ được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao.
2. Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn bổ nhiệm.
3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.
4. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.
5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.
6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 6. Căn cứ xem xét từ chức

Việc xem xét đối với cán bộ xin từ chức được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Do hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.
2. Để cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng.
3. Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.
4. Vì lý do chính đáng khác của cá nhân.

Điều 7. Căn cứ xem xét việc miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu

Việc xem xét miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực; căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Miễn nhiệm đối với người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.
2. Người đứng đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực thì tùy tính chất, mức độ sai phạm để xem xét cho từ chức.
3. Cho từ chức đối với người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng.

Điều 8. Quy trình xem xét miễn nhiệm, từ chức

1. Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm, từ chức, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc

cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, cho từ chức trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

3. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

Điều 9. Hồ sơ miễn nhiệm, từ chức

1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.

2. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức, báo cáo đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ và các tài liệu có liên quan.

Điều 10. Việc bố trí công tác đối với cán bộ sau khi từ chức

1. Cán bộ sau khi từ chức nếu có nguyện vọng tiếp tục công tác thì cấp có thẩm quyền có thể căn cứ vào năng lực, đạo đức, kinh nghiệm để xem xét, bố trí công tác phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Cán bộ đã từ chức và bố trí công tác khác, nếu được cấp có thẩm quyền đánh giá tốt, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện và khắc phục được những yếu kém, sai phạm, khuyết điểm thì có thể được xem xét để quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quy định này; chỉ đạo cụ thể hóa phù hợp với từng cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp và không trái với Quy định này.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật có liên quan.

3. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Quy định này thay thế Quy định số 260-QĐ/TW ngày 02/10/2009 của Bộ Chính trị và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký".

Nguồn: baohinhphu.vn

CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH

QUY ĐỊNH MỚI VỀ QUẢN LÝ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế. Nghị định này quy định việc quản lý trang thiết bị y tế bao gồm: Phân loại trang thiết bị y tế; sản xuất, nghiên cứu lâm sàng, lưu hành, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, cung cấp dịch vụ trang thiết bị y tế; thông tin, quảng cáo trang thiết bị y tế; quản lý giá trang thiết bị y tế và quản lý, sử dụng trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế.

Trong đó, trang thiết bị y tế được phân làm 4 loại dựa trên mức độ rủi ro tiềm ẩn liên quan đến thiết kế kỹ thuật và sản xuất các trang thiết bị y tế đó: 1. Trang thiết bị y tế thuộc loại A là trang thiết bị y tế có mức độ rủi ro thấp; 2. Trang thiết bị y tế thuộc loại B là trang thiết bị y tế có mức độ rủi ro trung bình thấp; 3. Trang thiết bị y tế thuộc loại C là trang thiết bị y tế có mức độ rủi ro trung bình cao; 4. Trang thiết bị y tế thuộc loại D là trang thiết bị y tế có mức độ rủi ro cao.

Nghị định quy định cụ thể điều kiện của cơ sở mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D gồm:

1. Có ít nhất 1 nhân viên kỹ thuật có trình độ cao đẳng chuyên ngành kỹ thuật, chuyên ngành y, dược, hóa học, sinh học hoặc cao đẳng kỹ thuật trang thiết bị y tế trở lên hoặc có trình độ cao đẳng trở lên mà chuyên ngành được đào tạo phù hợp với loại trang thiết bị y tế mà cơ sở mua bán.

2. Có kho bảo quản và phương tiện vận chuyển đáp ứng các điều kiện tối thiểu sau đây:

Kho bảo quản: Có diện tích phù hợp với chủng loại và số lượng trang thiết bị y tế được bảo quản; bảo đảm thoáng, khô ráo, sạch sẽ, không gần các nguồn gây ô nhiễm; đáp ứng yêu cầu bảo quản khác của trang thiết bị y tế theo hướng dẫn sử dụng.

Phương tiện vận chuyển trang thiết bị y tế từ cơ sở mua bán đến nơi giao hàng phù hợp với loại trang thiết bị y tế mà cơ sở mua bán. Trường hợp không có kho hoặc phương tiện bảo quản trang thiết bị y tế phải có hợp đồng với cơ sở đủ năng lực để bảo quản và vận chuyển trang thiết bị y tế.

3. Đối với cơ sở mua bán trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất: Người phụ trách chuyên môn phải có trình độ đại học chuyên ngành trang thiết bị y tế, y, dược, hóa dược hoặc sinh học. Có kho bảo quản đáp ứng quy định tại Điều 7 Nghị định số 80/2001/NĐ-CP ngày 5/11/2001 của Chính phủ hướng dẫn việc kiểm soát các hoạt động liên quan đến ma túy ở trong nước. Có hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất.

Quản lý giá trang thiết bị y tế theo cơ chế thị trường

Nghị định cũng quy định quản lý giá trang thiết bị y tế. Theo đó, quản lý giá trang thiết bị y tế theo cơ chế thị trường, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá

nhân kinh doanh trang thiết bị y tế theo quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch giá trang thiết bị y tế khi lưu hành trên thị trường.

Bên cạnh đó, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh, sử dụng và lợi ích của Nhà nước; thực hiện các biện pháp để quản lý giá trang thiết bị y tế phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Về biện pháp quản lý giá trang thiết bị y tế, kê khai giá trang thiết bị y tế trước khi lưu hành tại Việt Nam và cập nhật khi thay đổi giá trang thiết bị y tế đã kê khai theo các quy định tại Nghị định này.

Niêm yết giá bán buôn, bán lẻ trang thiết bị y tế bằng đồng Việt Nam tại nơi giao dịch hoặc nơi bán trang thiết bị y tế của cơ sở kinh doanh trang thiết bị y tế; thông báo công khai trên bảng, trên giấy hoặc bằng các hình thức khác.

Công khai giá trúng thầu trang thiết bị y tế của các cơ sở y tế công lập; không được mua bán trang thiết bị y tế khi chưa có giá kê khai và không được mua bán cao hơn giá kê khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế tại thời điểm mua bán.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ NGOẠI GIAO: SỞ NGOẠI VỤ THỰC HIỆN 24 NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Đây là quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BNG do Bộ Ngoại giao mới ban hành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về công tác đối ngoại của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Theo Thông tư, Sở Ngoại vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ và công tác biên giới lãnh thổ quốc gia đối với những tỉnh có đường biên giới (gọi chung là công tác đối ngoại) của địa phương; các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

Sở Ngoại vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, biên chế và hoạt động; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Ngoại giao.

Thông tư nêu rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Ngoại vụ bao gồm:

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến công tác đối ngoại của địa phương thuộc phạm vi quản lý của Sở Ngoại vụ và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác đối ngoại ở địa phương.

3. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác đối ngoại địa phương sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

5. Về công tác hợp tác và hội nhập quốc tế.

6. Về công tác ngoại giao kinh tế.

7. Về công tác ngoại giao văn hóa.

8. Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

9. Về công tác lãnh sự và bảo hộ công dân.

10. Về công tác biên giới lãnh thổ quốc gia (đối với những tỉnh có đường biên giới).

11. Về công tác lễ tân đối ngoại.

12. Về công tác thông tin đối ngoại.

13. Về công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào.

14. Về công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

15. Về công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

16. Về công tác phi chính phủ nước ngoài.

17. Về công tác thanh tra ngoại giao.

18. Về công tác bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ đối ngoại.

19. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại theo quy định.

20. Thực hiện cải cách hành chính theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức ứng dụng khoa học, công nghệ, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động đối ngoại; phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động đối ngoại địa phương toàn quốc.

21. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các đơn vị thuộc Sở; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thi đua - khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

22. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

23. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Ngoại vụ theo quy định pháp luật.

24. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công.

Trường hợp không tổ chức riêng Sở Ngoại vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác đối ngoại.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 12/12/2021.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ TÀI CHÍNH: CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ KHO BẠC NHÀ NƯỚC TIẾP NHẬN CHỨNG TỬ ĐIỆN TỬ 24/7

Đây là quy định tại Thông tư số 87/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính mới ban hành, quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

Theo Thông tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 5 Luật Giao dịch điện tử, Điều 4 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính, đảm bảo các yêu cầu về quy trình nghiệp vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật trong giao dịch điện tử do Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước quy định theo phân cấp.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã hoàn thành giao dịch bằng phương thức điện tử thì không phải thực hiện giao dịch đó bằng phương thức giao dịch khác và được công nhận đã hoàn thành thủ tục trên Trang thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chứng từ điện tử trong các hoạt động nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước phải được ký số bởi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc được xác thực bằng các biện pháp khác theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.

Cổng thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước là điểm truy cập duy nhất của Kho bạc Nhà nước trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà Kho bạc Nhà nước cung cấp.

Cổng thông tin điện tử Kho bạc Nhà nước có địa chỉ truy cập là <https://vst.mof.gov.vn/> và bao gồm các trang thông tin điện tử tích hợp nơi Kho bạc Nhà nước cung cấp các thông tin, dịch vụ, giao dịch liên quan đến hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

Thông tư nêu rõ giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước được thực hiện qua các trang thông tin điện tử tích hợp của Cổng thông tin điện tử của Kho bạc

Nhà nước bao gồm: a) Giao dịch điện tử liên quan đến việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước trên môi trường điện tử; b) Các giao dịch điện tử liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước; c) Giao dịch chia sẻ dữ liệu số trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước; d) Các giao dịch điện tử khác trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân truy cập vào Cổng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước qua trình duyệt web hoặc ứng dụng di động của Kho bạc Nhà nước.

Cổng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước tiếp nhận chứng từ điện tử liên tục 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết, trừ trường hợp có quy định khác về thời hạn nhận chứng từ hoặc trong các trường hợp hệ thống của Kho bạc Nhà nước đang bảo trì, nâng cấp hoặc gặp sự cố kỹ thuật, không thể vận hành. Trường hợp bảo trì, nâng cấp hệ thống, Kho bạc Nhà nước thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trước ít nhất 3 ngày trên Trang thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước hoặc bằng thư điện tử đến cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trước khi thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước qua các trang thông tin điện tử của Kho bạc Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện định danh và xác thực điện tử theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2021.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ TƯ PHÁP: ĐĂNG TẢI THÔNG CÁO BÁO CHÍ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO CHÍNH PHỦ BAN HÀNH TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 07/2021/TT-BTP quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Theo đó, thông cáo báo chí sẽ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Báo Điện tử Chính phủ.

Thông tư quy định, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chịu trách nhiệm về tính chính xác và thời hạn của thông tin cung cấp cho Bộ Tư pháp phục vụ xây dựng hoặc đính chính (nếu có) thông cáo báo chí; đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, liên tục, chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong xây dựng thông cáo báo chí.

Thông tư quy định rõ về trách nhiệm cung cấp thông tin xây dựng thông cáo báo chí. Theo đó, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm cung cấp thông tin về văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan mình chủ trì soạn thảo đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban

hành trong tháng cho Bộ Tư pháp chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo để phục vụ việc xây dựng thông cáo báo chí.

Nội dung thông tin nêu rõ tên văn bản, ngày, tháng, năm ban hành; cơ quan ban hành; hiệu lực thi hành; sự cần thiết, mục đích ban hành; nội dung chủ yếu của văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc việc cung cấp thông tin phục vụ xây dựng thông cáo báo chí.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng nêu rõ, căn cứ vào nội dung thông tin về văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan chủ trì soạn thảo cung cấp, Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, biên tập nội dung, xây dựng và ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo.

Bộ Tư pháp đăng tải thông cáo báo chí trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Báo Pháp luật Việt Nam điện tử ngay sau khi ký ban hành.

Văn phòng Chính phủ đăng tải thông cáo báo chí trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Báo Điện tử Chính phủ ngay sau khi nhận được thông cáo báo chí do Bộ Tư pháp gửi đến.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Chủ tịch nước quyết định:

Điều động ông Bùi Huy Hùng, cán bộ thuộc Văn phòng Chính phủ đến công tác tại Văn phòng Chủ tịch nước, tiếp tục làm Trợ lý đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thăng quân hàm sĩ quan từ Thiếu tướng lên Trung tướng đối với đồng chí Nguyễn Minh Đức, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An Ninh của Quốc hội.

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Bổ nhiệm ông Phạm Thanh Hà, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giữ chức vụ Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bổ nhiệm ông Phạm Tiến Dũng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giữ chức vụ Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bổ nhiệm Đại tá Nguyễn Văn Tiên, Phó Tham mưu trưởng Quân khu 9 giữ chức vụ Phó Tư lệnh Quân khu 9, Bộ Quốc phòng.

Bổ nhiệm ông Dương Mộng Huyền, Trợ lý đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương khóa XII giữ chức vụ Trợ lý đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bổ nhiệm ông Đỗ Ngọc Huỳnh, Trợ lý đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 giữ chức vụ Trợ lý đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bổ nhiệm ông Đỗ Đức Toàn, Vụ trưởng, Thư ký đồng chí Lê Minh Khái, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ giữ chức vụ Trợ lý đồng chí Lê Minh Khái, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước:

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Quyết định số 1871/QĐ-TTg phân công đảm nhiệm chức danh Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ phân công Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước; Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà đảm nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành (08/11/2021) và thay thế Quyết định số 932/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

*** Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương:**

Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương vừa ban hành Quyết định 115/QĐ-HĐPH phê duyệt danh sách thành viên Hội đồng. Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh làm Chủ tịch Hội đồng.

Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Bộ trưởng Bộ Tư pháp Lê Thành Long (Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng); Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Ngô Sách Thực; Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tịnh; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Cao Huy.

34 Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo một số Bộ, ban, ngành Trung ương.

*** Bộ Công an:**

Thiếu tướng Đặng Xuân Hồng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Đối ngoại, Bộ Công an.

*** Bộ Tài nguyên và Môi trường:**

Phạm Tân Tuyền, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tài nguyên và Môi trường được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*** Ban Tuyên giáo Trung ương:**

Đại tá Phạm Ngọc Phương, Phó Vụ trưởng, Thư ký đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng, Thư ký đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương.

Nguồn: baochinhpvu.vn